

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH
HÙNG ORGANIC**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Sinh viên thực hiện : Võ Thị Mỹ Nương

MSSV : 2254010083

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH
HÙNG ORGANIC**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Sinh viên thực hiện : Võ Thị Mỹ Nương

MSSV : 2254010083

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Võ Thị Mỹ Nương
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

“KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Số liệu năm 2025

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

(ký, ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	1
1.1. Khát quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	1
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
a. Khái niệm về doanh thu.....	1
b. Khái niệm về chi phí.....	1
c. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.2. Một số nguyên tắc kế toán liên quan doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.3. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.2. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập	4
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
a. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
c. Các phương thức bán hàng, phương thức thanh toán	5
d. Chứng từ sử dụng	6
e. Tài khoản sử dụng	7
f. Phương pháp hạch toán	8
g. Các điểm khác biệt trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 99/2025/TT-BTC	9
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
a. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu	10
b. Chứng từ sử dụng	10
c. Tài khoản sử dụng	10
d. Phương pháp hạch toán	11
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	11
a. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính	11
b. Chứng từ sử dụng	12
c. Tài khoản sử dụng	12
d. Phương pháp hạch toán	13
1.2.4. Kế toán thu nhập khác	13
a. Nội dung thu nhập khác	13
b. Chứng từ sử dụng	14

c. Tài khoản sử dụng	14
d. Phương pháp hạch toán	14
1.3. Kế toán các khoản chi phí	14
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán	14
a. Nội dung giá vốn hàng bán	14
b. Các phương pháp tính giá xuất kho	15
c. Chứng từ sử dụng	16
d. Tài khoản sử dụng	16
e. Phương pháp hạch toán	17
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính	17
a. Nội dung chi phí tài chính	17
b. Chứng từ sử dụng	17
c. Tài khoản sử dụng	17
d. Phương pháp hạch toán	18
e. Các điểm khác biệt trong kế toán chi phí tài chính giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 99/2025/TT-BTC	19
1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng	19
a. Nội dung chi phí bán hàng	19
b. Chứng từ sử dụng	19
c. Tài khoản sử dụng	19
d. Phương pháp hạch toán	20
e. Các điểm khác biệt trong kế toán chi phí bán hàng giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 99/2025/TT-BTC	20
1.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	21
a. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp	21
b. Chứng từ sử dụng	21
c. Tài khoản sử dụng	21
d. Phương pháp hạch toán	22
1.3.5. Kế toán chi phí khác	23
a. Nội dung chi phí khác	23
b. Chứng từ sử dụng	23
c. Tài khoản sử dụng	23
d. Phương pháp hạch toán	24
1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24
a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24
b. Chứng từ sử dụng	25

<i>c. Tài khoản sử dụng</i>	25
<i>d. Phương pháp hạch toán</i>	26
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
<i>1.4.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh</i>	27
<i>1.4.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	27
<i>1.4.3. Tài khoản sử dụng</i>	28
<i>1.4.4. Phương pháp hạch toán</i>	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC	30
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	30
<i>2.1.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	30
<i>2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	30
<i>2.1.3. Lĩnh vực hoạt động, chức năng và nhiệm vụ Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	31
<i>a. Lĩnh vực hoạt động</i>	31
<i>b. Chức năng</i>	31
<i>c. Nhiệm vụ</i>	31
<i>2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	31
<i>a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty</i>	31
<i>b. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận</i>	32
<i>2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	32
<i>a. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty</i>	32
<i>b. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận</i>	33
<i>2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và phần mềm kế toán áp dụng tại Công ty</i>	33
<i>2.1.7. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty</i>	37
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	37
<i>2.2.1. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	37
<i>a. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	37
<i>a.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	37

a.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán	38
a.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế	39
b. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	48
c. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	48
c.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính	48
c.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán	48
c.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế	48
d. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	50
2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	50
a. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	50
a.1. Nội dung giá vốn hàng bán	50
a.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán	50
a.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế	51
b. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	53
c. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	53
d. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	53
d.1. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp	53
d.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán	54
d.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế	54
e. Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic ..	62
e.1. Nội dung chi phí khác	62
e.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán	62
e.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế	62
f. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	65
f.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	65
f.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán	65
f.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế	65

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	71
<i>a. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	71
<i>b. Chứng từ và sổ sách kế toán</i>	71
<i>c. Minh họa nghiệp vụ kinh tế</i>	71
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC	79
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	79
<i>3.1.1. Ưu điểm</i>	79
<i>3.1.2. Nhược điểm</i>	80
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic	81
<i>3.2.1. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	81
<i>3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic</i>	82

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa của từ viết tắt
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
KH&CN	Khoa học và công nghệ
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
MST	Mã số thuế
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp tại cửa hàng	8
Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp	8
Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý ...	9
Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý	9
Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan	11
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính	13
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác	14
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	17
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính	18
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí bán hàng	20
Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	22
Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác	24
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành	26
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại	27
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh	29
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	32
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung	35
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo trên phần mềm Smart Pro	36

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 2.1. Giao diện Phần mềm Smart Pro của công ty	34
Hình 2.2. Giao diện nhập dữ liệu chi tiết của Phần mềm Smart Pro	34
Hình 2.3. Giao diện đăng nhập Vin - hóa đơn	40
Hình 2.4. Minh họa phần mềm xuất hóa đơn	40
Hình 2.5. Hóa đơn GTGT số 00000348 ngày 10/11/2025	41
Hình 2.6. Giao diện Hóa đơn bán hàng số 00000348 trên phần mềm	42
Hình 2.7. Hóa đơn GTGT số 00000351 ngày 14/11/2025	44
Hình 2.8. Giao diện Hóa đơn bán hàng số 00000351 trên phần mềm	45
Hình 2.9. Sổ phụ ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (MB)	48
Hình 2.10. Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm Smart Pro	49
Hình 2.11. Giao diện phiếu xuất kho theo hóa đơn 00000348	51
Hình 2.12. Giao diện phiếu xuất kho theo hóa đơn 00000351	52
Hình 2.13. Bảng trích chi phí chờ phân bổ Máy điều hòa	55
Hình 2.14. Giao diện hạch toán lệ phí môn bài trên phần mềm Smart Pro	57
Hình 2.15. Hóa đơn GTGT số 719 ngày 24/11/2025	58
Hình 2.16. Giao diện hạch toán chi tiền dịch vụ ăn uống trên phần mềm Smart Pro	59
Hình 2.17. Phiếu chi tiền dịch vụ ăn uống theo HD 719	59
Hình 2.18. Sao kê ngân hàng	62
Hình 2.19. Giấy nộp tiền cho Cơ quan thuế	63
Hình 2.20. Giao diện hạch toán tiền chậm nộp trên phần mềm Smart Pro	64
Hình 2.21. Phiếu Kế Toán 2	64
Hình 2.22. Giao diện hạch toán thuế TNDN phải nộp năm 2025	70
Hình 2.23. Phiếu Kế Toán 007	70

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành tốt bài báo cáo này, ngoài sự nỗ lực và cố gắng học hỏi tìm tòi của bản thân thì không thể thiếu sự giúp đỡ, hỗ trợ tận tình của thầy cô Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng và các anh/chị trong ban lãnh đạo Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic.

Lời đầu tiên em xin chân thành cảm ơn quý lãnh đạo Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực tập tại công ty. Tiếp theo em xin cảm ơn tất cả các anh/chị trong công ty đã giúp đỡ, dìu dắt em trong suốt thời gian qua. Tất cả các mọi người đều nhiệt tình giúp đỡ, mặc dù số lượng công việc của công ty ngày một tăng lên nhưng công ty vẫn dành thời gian để hướng dẫn rất nhiệt tình. Bản thân em rất biết ơn vì đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm từ các anh/chị.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn đến Giảng viên hướng dẫn ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh đã tận tình chỉ dẫn, theo dõi và đưa ra những lời khuyên bổ ích giúp em giải quyết được các vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề tài một cách tốt nhất.

Mặc dù bản thân đã rất cố gắng nhưng do thời gian thực tập có hạn, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài báo cáo không thể tránh được những sai sót. Vì vậy kính mong quý thầy cô giáo góp ý nhằm bổ sung những kiến thức còn thiếu sót để em rút kinh nghiệm và hoàn thiện hơn cho công tác sau này.

Và lời cuối cùng, em xin kính chúc các Thầy/cô Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng luôn thành công trong sự nghiệp. Chúc quý Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic sẽ thành công hơn trong tương lai và công ty ngày càng phát đạt.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh Viên
Võ Thị Mỹ Nương

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng hội nhập và cạnh tranh gay gắt, vai trò của Kế toán trong công tác quản lý tài chính và điều hành doanh nghiệp đã trở nên quan trọng. Kế toán không chỉ là công cụ ghi chép các giao dịch kinh tế mà còn là hệ thống thông tin chiến lược, cung cấp các dữ liệu đáng tin cậy để Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời và chính xác. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nơi chuỗi giá trị từ nguyên vật liệu, sản xuất, chế biến đến tiêu thụ diễn ra liên tục, kế toán chính là huyết mạch giúp kiểm soát doanh thu, chi phí, xác định hiệu quả hoạt động và quản lý dòng tiền một cách hiệu quả.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh trung thực hiệu quả sử dụng vốn, trình độ quản lý và năng lực cạnh tranh của đơn vị. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm sạch và nông sản hữu cơ – một thị trường đầy tiềm năng nhưng cũng nhiều thách thức về chi phí hậu cần và yêu cầu khắt khe về chất lượng – thì việc thiết lập một hệ thống kế toán chính xác, kịp thời và tuân thủ các chuẩn mực mới trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong suốt quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic và được sự hướng dẫn tận tình của GVHD Th.S Nguyễn Thị Hồng Hạnh cùng với sự giúp đỡ của các anh chị kế toán trong công ty, em đã thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài: **"Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic"**. Mục tiêu của đề tài là đi sâu vào tìm hiểu thực tế quy trình hạch toán và quản lý tài chính tại công ty, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và quản trị doanh nghiệp.

Nội dung khóa luận tốt nghiệp bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khát quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm về doanh thu

Căn cứ chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 VAS - Doanh thu và thu nhập khác.

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

- Các khoản doanh thu và thu nhập khác bao gồm: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Doanh thu hoạt động tài chính; Thu nhập khác.

b. Khái niệm về chi phí

Căn cứ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 01 - Chuẩn mực chung.

- Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các khoản chi phí bao gồm: Giá vốn hàng bán; Chi phí tài chính; Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp; Chi phí khác; Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.

c. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ Điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- + Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- + Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2. Một số nguyên tắc kế toán liên quan doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nguyên tắc kế toán các khoản doanh thu

Căn cứ Điều 78 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

- Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế. Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa.

- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba như: Các loại thuế gián thu (thuế GTGT, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường) phải nộp, số tiền người bán hàng đại lý thu hộ bên chủ hàng do bán hàng đại lý, các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán đơn vị không được hưởng,...

- Thời điểm căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo luật định. Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

- Khi luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp, tùy theo đặc điểm hoạt động, phân cấp quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp có thể quyết định việc ghi nhận doanh thu tại các đơn vị nếu có sự gia tăng trong giá trị sản phẩm, hàng hóa giữa các khâu mà không

phụ thuộc vào chứng từ kèm theo. Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, tất cả các khoản doanh thu giữa các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp đều phải được loại trừ.

- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

❖ Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Căn cứ Điều 82 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

- Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ,..

- Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

- Các tài khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

❖ Nguyên tắc kế toán xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ Điều 82 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Tài khoản xác định kết quả kinh doanh phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

1.1.3. Ý nghĩa của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển của doanh nghiệp. Việc theo dõi

doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp nắm bắt được hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, việc theo dõi doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng giúp các bên đầu tư, các nhà cung cấp đánh giá tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định hợp tác, quyết định đầu tư đúng đắn.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng tốt hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Cần phải phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Thu thập đầy đủ các chứng từ liên quan tới doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như: hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho,...

- Cần theo dõi cách tính giá xuất kho để đảm bảo tính chính xác của giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

- Quản lý chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

- Thường xuyên theo dõi số liệu giữa sổ sách và thực tế để đảm bảo tính chính xác của các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để lập Báo cáo tài chính.

1.2. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng,...

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ *Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Các phương thức bán hàng, phương thức thanh toán

❖ ***Các phương thức bán hàng***

- *Phương thức bán hàng trực tiếp tại cửa hàng:* Đây là phương thức khách hàng hoặc đại diện bên mua hàng đến trực tiếp kho hoặc cửa hàng của doanh nghiệp để nhận hàng hóa. Doanh thu được ghi nhận ngay khi sản phẩm được bàn giao cho khách hàng và khách hàng đã chấp nhận thanh toán (hoặc ký nhận nợ), không phụ thuộc vào việc đã thu tiền hay chưa. Tại thời điểm này, quyền sở hữu và mọi rủi ro về hàng hóa đã chuyển từ người bán sang người mua.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Đây là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng nhưng khách hàng sẽ thanh toán dần trong một khoảng thời gian nhất định. Khách hàng được sử dụng hàng hóa ngay nhưng quyền sở hữu có thể vẫn thuộc về người bán cho đến khi thanh toán đủ tiền (tùy thỏa thuận). Tuy

nhiên, về mặt hạch toán khi hàng được giao cho người mua, hàng hoá bán trả chậm trả góp được coi là đã tiêu thụ và doanh thu được ghi nhận.

- *Phương thức bán hàng thông qua đại lý (ký gửi)*: Đây là phương thức doanh nghiệp sẽ xuất hàng giao cho các đơn vị đại lý để nhờ bán hộ và trả hoa hồng cho họ. Khi xuất kho giao hàng cho đại lý, hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, đại lý chỉ là bên giữ và bán hộ. Khi bán được hàng hoá thì doanh nghiệp phải trả cho đại lý một khoản tiền hoa hồng được xem là chi phí bán hàng.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Đây là phương thức dựa vào đơn đặt hàng hoặc hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng, doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đến địa điểm đã thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng. Doanh thu chỉ được ghi nhận khi hàng hóa đã được vận chuyển đến địa điểm thỏa thuận và được người mua kiểm tra, ký xác nhận đã nhận hàng trên biên bản giao nhận.

- *Phương thức giao dịch hàng đổi hàng không tương tự*: Đây là phương thức trao đổi các hàng hóa, dịch vụ có bản chất khác nhau (ví dụ: đổi thực phẩm lấy bao bì hoặc dịch vụ quảng cáo). Trong giao dịch này, việc trao đổi được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

❖ **Các phương thức thanh toán**

- *Phương thức thanh toán ngay bằng tiền mặt (Phiếu thu)*: Đây là phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt ngay tại thời điểm giao nhận hàng hóa hoặc dịch vụ.

- *Phương thức thanh toán không sử dụng tiền mặt*:

+ *Thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng*: Đây là phương thức chủ yếu trong giao dịch giữa các doanh nghiệp, đảm bảo tính an toàn và minh bạch về mặt pháp lý. Tiền được chuyển trực tiếp từ tài khoản của người mua sang tài khoản của người bán thông qua hệ thống ngân hàng.

+ *Thanh toán bù trừ công nợ*: Áp dụng khi hai bên đối tác vừa là người mua, vừa là người bán hàng hóa/dịch vụ của nhau. Vào cuối kỳ hoặc sau mỗi giao dịch, hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ. Số tiền nợ tương ứng sẽ được cân trừ cho nhau, hai bên chỉ phải thanh toán bằng tiền phần chênh lệch còn lại (nếu có).

- *Phương thức ủy quyền thanh toán bên thứ ba*: Đây là hình thức thanh toán mà việc chi trả tiền hàng không thực hiện trực tiếp giữa người mua và người bán mà thông qua một đơn vị trung gian được ủy quyền. Phương thức này thường xuất hiện trong các hợp đồng ba bên hoặc thanh toán qua các đơn vị thu hộ, cổng thanh toán điện tử.

d. Chứng từ sử dụng

- Đơn đặt hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) hoặc hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo Có,...)
- Hợp đồng kinh tế.

e. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

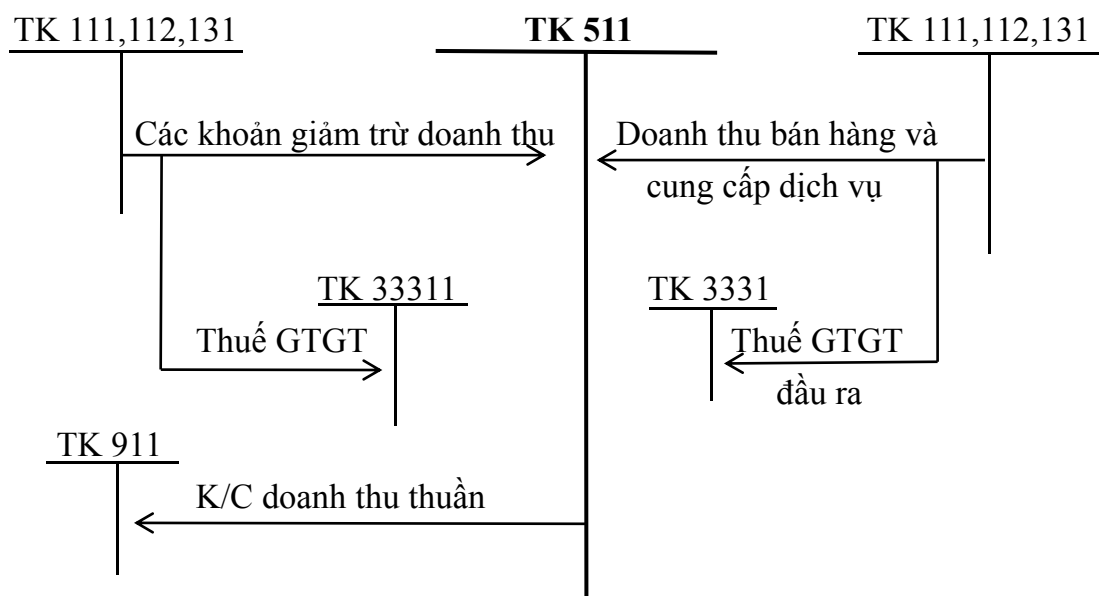
❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu (CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

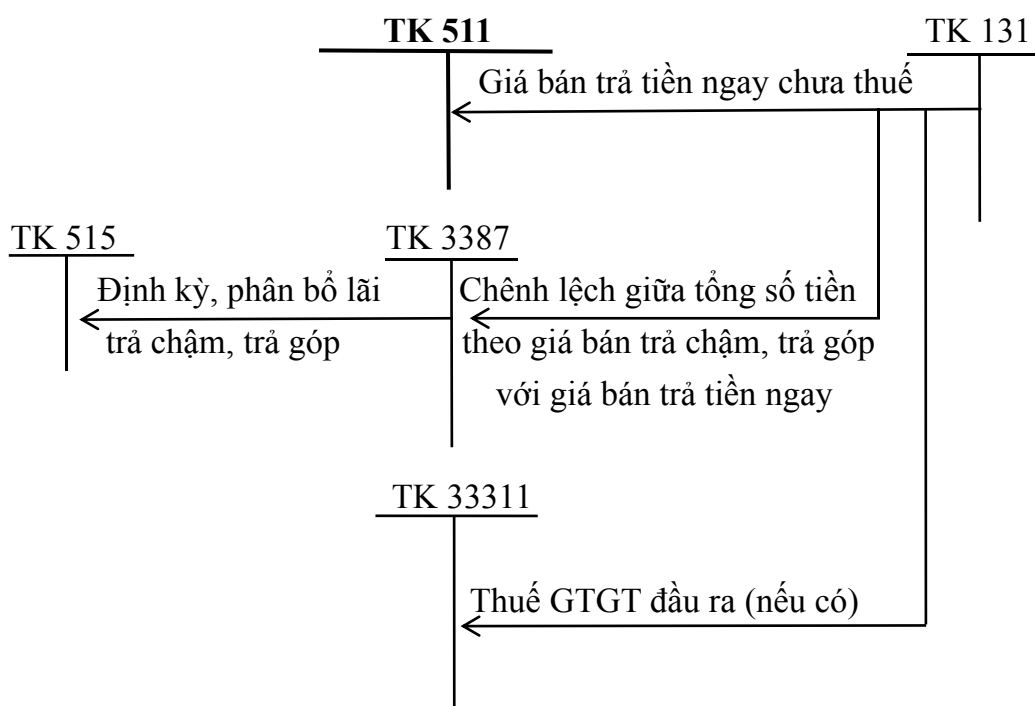
f. Phương pháp hạch toán

❖ **Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp tại cửa hàng**



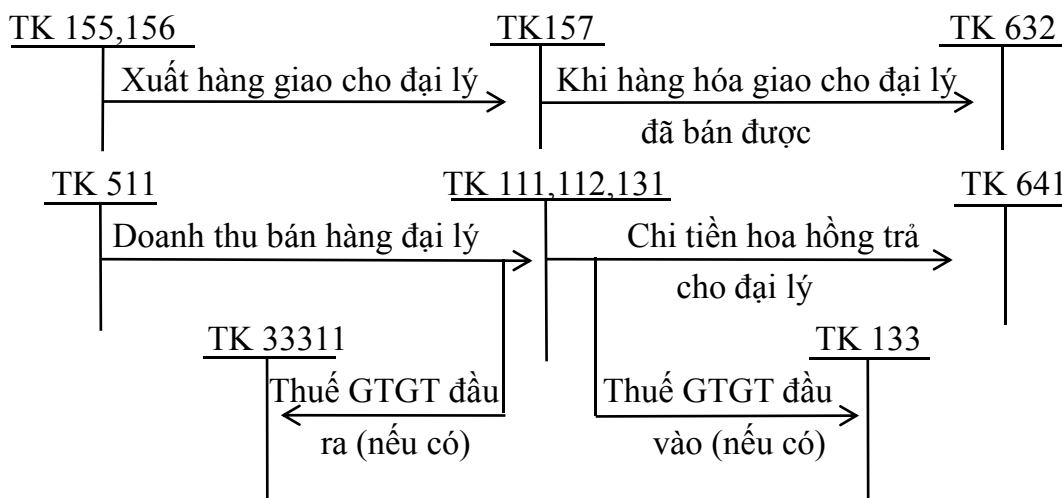
Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp tại cửa hàng

❖ **Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp**

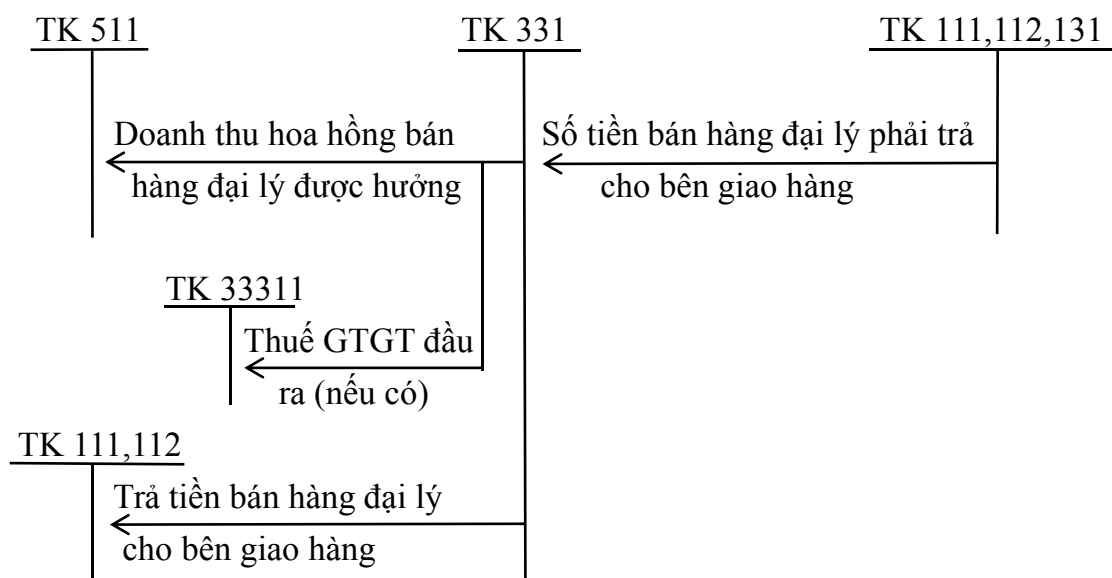


Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

❖ **Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng thông qua đại lý**
- Tại đơn vị giao hàng đại lý



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý
- Tại đơn vị nhận làm đại lý (bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý
g. Các điểm khác biệt trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 99/2025/TT-BTC

Theo quy định mới tại Thông tư 99/2025/TT-BTC nhằm thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC, nguyên tắc mở tài khoản chi tiết 511 được quy định linh hoạt hơn như sau: Doanh nghiệp có thể mở thêm các tài khoản chi tiết doanh thu phát sinh từ hợp đồng với khách hàng (ví dụ doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ, bán bất động sản đầu tư,..) cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình.

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

Căn cứ điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giảm giá khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

b. Chứng từ sử dụng

❖ **Chiết khấu thương mại**

- Hợp đồng kinh tế; Biên bản chiết khấu thương mại; Hóa đơn bán hàng; Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Giảm giá hàng bán**

- Hợp đồng kinh tế; Biên bản xác nhận hàng lỗi, kém phẩm chất; Biên bản giảm giá hàng bán; Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Hàng bán bị trả lại**

- Hợp đồng kinh tế; Biên bản hàng bán bị trả lại; Hóa đơn hàng hóa bị trả lại; Phiếu nhập kho hàng hóa trả lại; Phiếu chi hoặc Giấy báo Nợ.

c. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại

- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại

- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

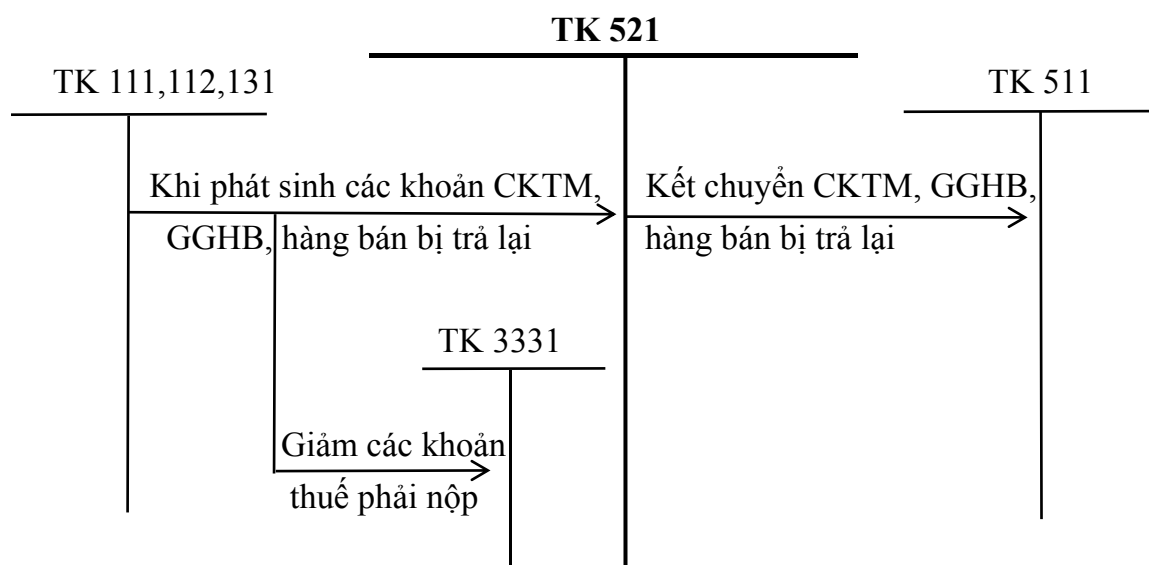
❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số CKTM, GGHB, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

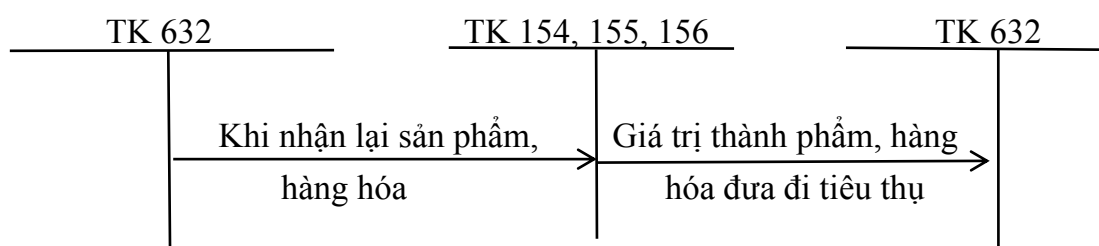
d. Phương pháp hạch toán

❖ **Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:**



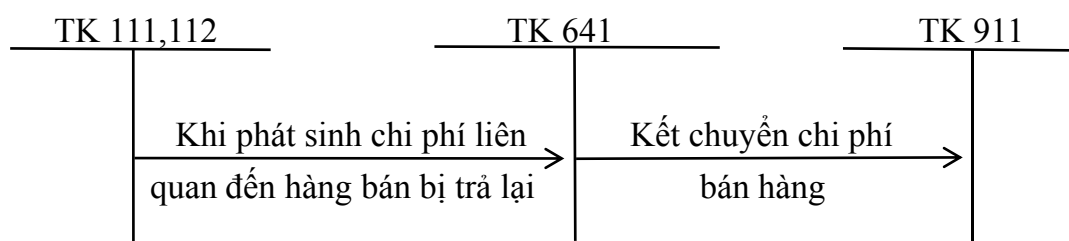
Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Kế toán các chi phí liên quan: nhận lại sản phẩm, hàng hóa**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Căn cứ điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có của Ngân hàng
- Phiếu thu
- Các chứng từ liên quan khác

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

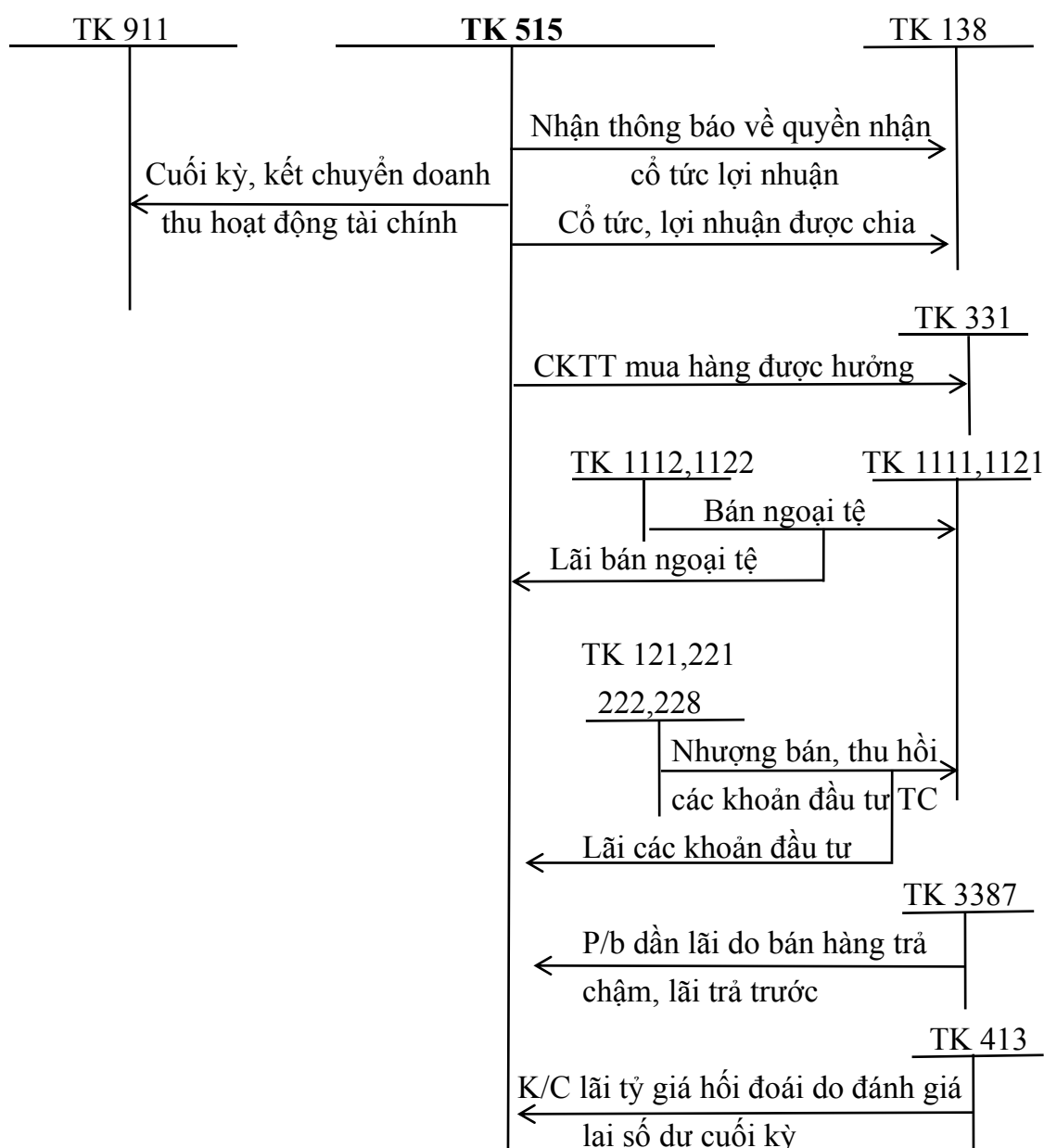
Đề hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

a. Nội dung thu nhập khác

Căn cứ điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Thu nhập khác là những khoản thu nhập góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tạo ra, bao gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, thu nhập quà biếu, quà tặng; Thu tiền từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ và các khoản nợ phải trả không xác định được chủ,..

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT; Phiếu thu; Giấy báo Có của ngân hàng; Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ; Biên bản vi phạm hợp đồng; Các chứng từ khác có liên quan,...

c. Tài khoản sử dụng

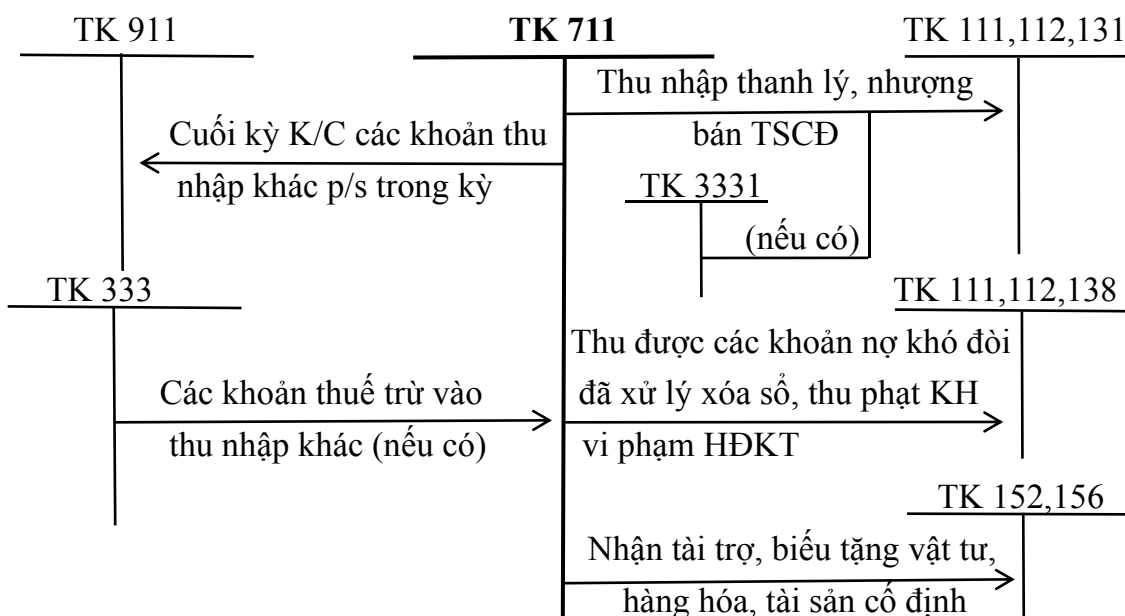
Theo quy định tại điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Để hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711 “Thu nhập khác”.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác

1.3. Kế toán các khoản chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thực tế của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được tiêu thụ trong kỳ. Đối với doanh nghiệp sản xuất, giá vốn hàng bán bao gồm các chi phí trực tiếp để tạo ra thành phẩm như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phân bổ cho số lượng sản phẩm đã bán ra. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán là trị giá mua thực tế của hàng hóa xuất kho để bán (bao gồm giá mua ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí thu mua như vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, bảo hiểm hàng hóa,.. phát sinh trong quá trình mua hàng về nhập kho).

b. Các phương pháp tính giá xuất kho

❖ **Phương pháp thực tế đích danh**

- Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phải ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

- Phương pháp nhập trước xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này là giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Bình quân gia quyền cuối kỳ

- Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân. Công thức như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân của sản phẩm } i = \frac{\left(\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ } i}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ } i} + \frac{\text{Giá trị hàng nhập trong kỳ } i}{\text{Số lượng hàng nhập trong kỳ } i} \right)}{\left(\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ } i}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ } i} + \frac{\text{Giá trị hàng nhập trong kỳ } i}{\text{Số lượng hàng nhập trong kỳ } i} \right)}$$

Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)

- Sau mỗi lần nhập kho, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\left(\frac{\text{Trị giá vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất } i}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất } i} \right)}{\left(\frac{\text{Trị giá vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất } i}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất } i} \right)}$$

Ngoài 3 phương pháp tính giá xuất kho trên, Thông tư 200/2014/TT-BTC còn đề cập đến phương pháp giá bán lẻ, áp dụng cho 1 số ngành đặc thù như bán lẻ, siêu thị.

c. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho; Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn; Bảng kê mua hàng; Biên bản giao hàng; Các chứng từ khác có liên quan,...

d. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”.

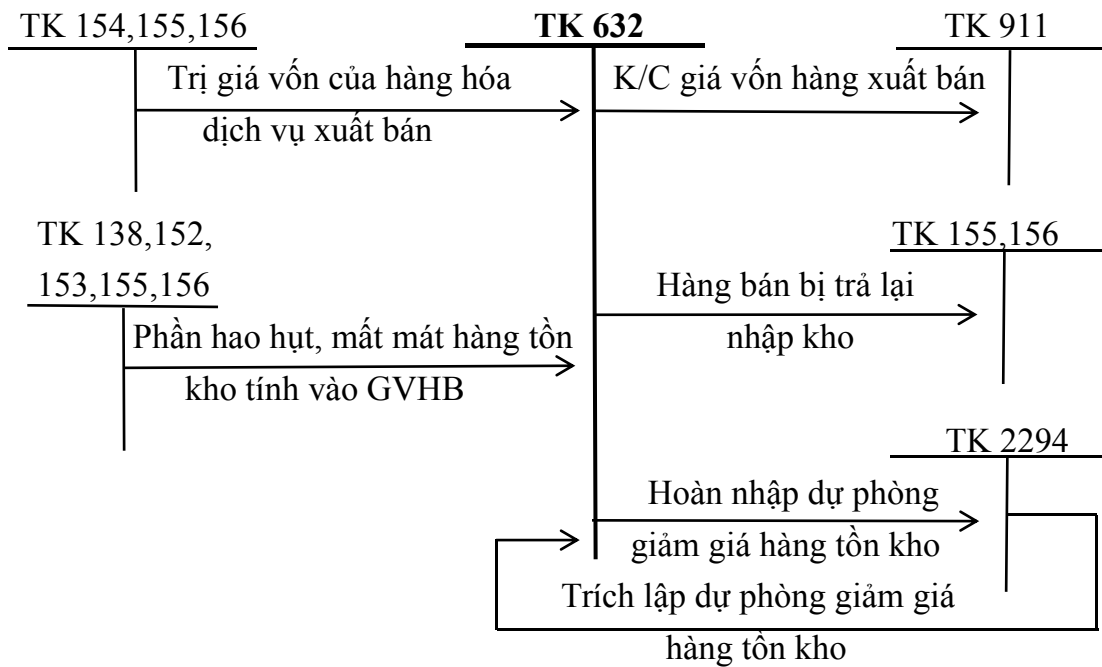
❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.		- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.		- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

e. Phương pháp hạch toán

❖ Theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

a. Nội dung chi phí tài chính

Căn cứ điều 90 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Chi phí tài chính là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

b. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 90 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

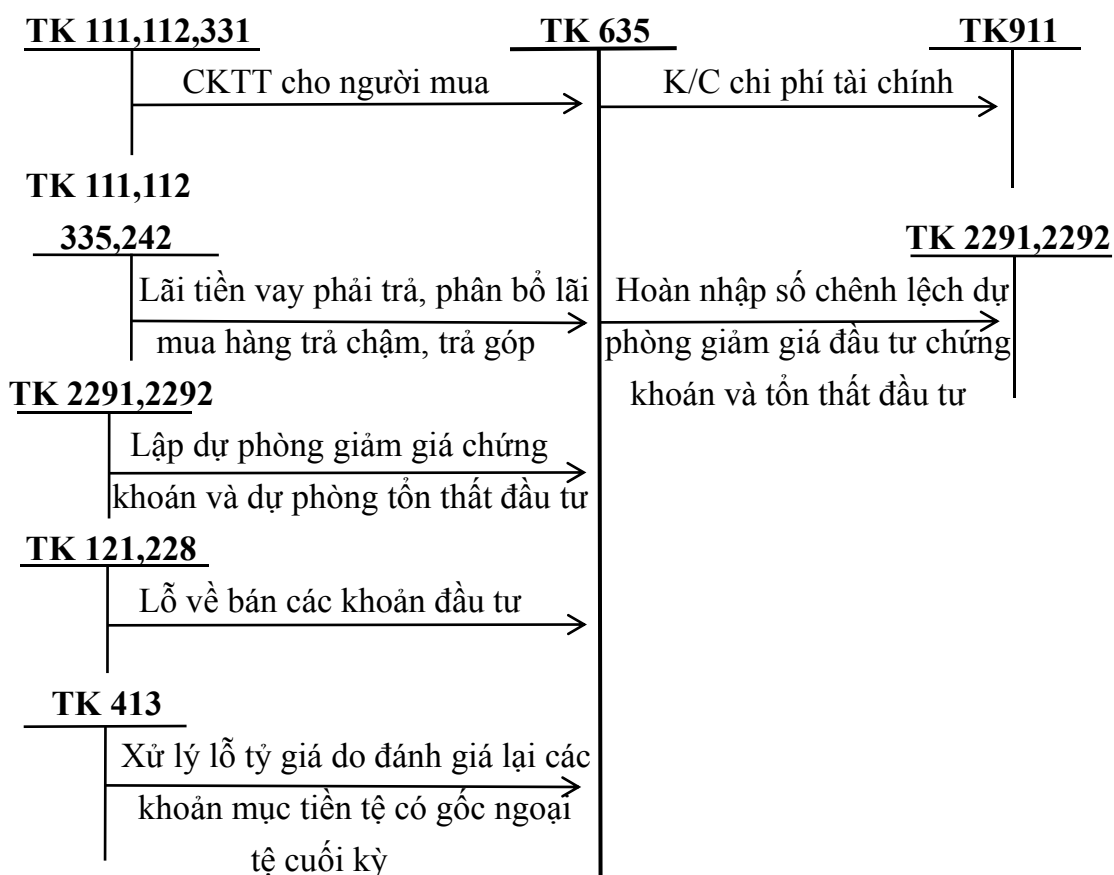
Đề hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng TK 635 “ Chi phí tài chính”.

❖ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. - Các khoản chi phí tài chính khác		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính

e. Các điểm khác biệt trong kế toán chi phí tài chính giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 99/2025/TT-BTC

Theo quy định mới tại Thông tư 99/2025/TT-BTC nhằm thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC, nội dung về chi phí tài chính được quy định cụ thể và mở rộng hơn để phản ánh sát thực tế các giao dịch tài chính. Cụ thể chi phí tài chính bao gồm thêm một số nội dung như sau:

- Chi phí mua chứng khoán kinh doanh; Chi phí đi vay vốn nhưng không được vốn hóa theo quy định; Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư tài chính; phần chênh lệch giữa giá mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành cao hơn giá trị ghi sổ của trái phiếu; Các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua.

1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng

a. Nội dung chi phí bán hàng

Căn cứ điều 91 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chi phí bán hàng là tất cả các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm:

- Các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm.
- Chi phí quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng.
- Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp).
- Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,..

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

c. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí bán hàng, kế toán sử dụng tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”. Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

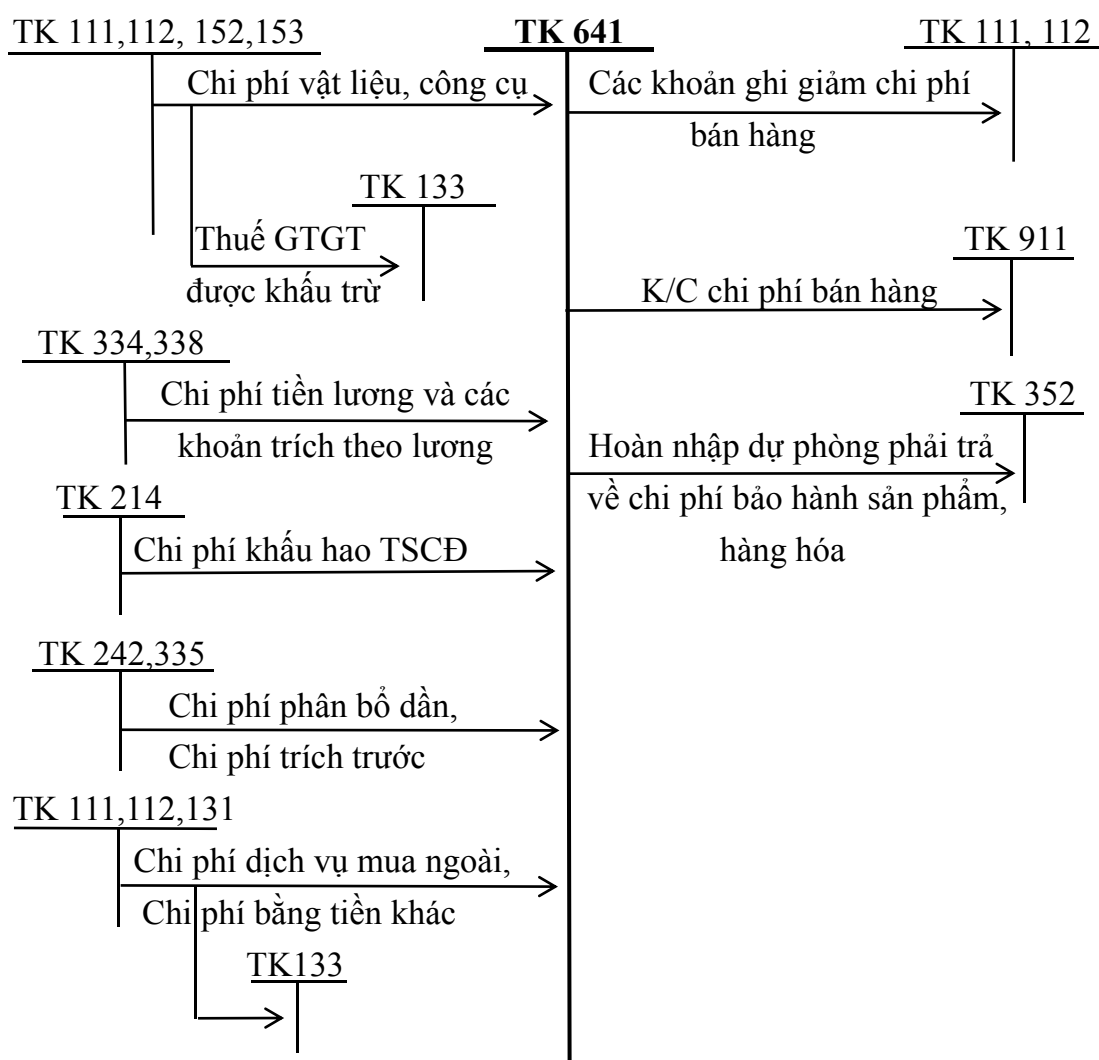
- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

❖ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ. - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí bán hàng

e. Các điểm khác biệt trong kế toán chi phí bán hàng giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 99/2025/TT-BTC

Theo quy định mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC nhằm thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC đã quy định chi tiết và mở rộng thêm các nội dung về chi phí bán hàng như sau:

- Chi phí bán hàng bao gồm toàn bộ các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đưa sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ từ doanh nghiệp đến tay người tiêu dùng. Cụ thể, các nhóm chi phí chính bao gồm: Chi phí quảng bá và giới thiệu sản phẩm; Chi phí bảo quản và vận chuyển; Chi phí bảo hành: (đối với các doanh nghiệp xây lắp); Chi phí tiền lương, và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng viên; Chi phí khấu hao và chi phí sửa chữa tài sản cố định (TSCĐ).

Bên cạnh đó, Thông tư 99/2025/TT-BTC đã điều chỉnh nội dung Tài khoản 6415: Chuyển từ “Chi phí bảo hành” sang phản ánh các khoản “Thuế, phí, lệ phí”.

1.3.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp

Căn cứ điều 92 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tất cả các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) .

b. Chứng từ sử dụng

- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương; Bảng thanh toán tiền lương; Phiếu chi, Giấy báo Nợ của ngân hàng; Các chứng từ khác có liên quan,...

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 92 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sử dụng tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

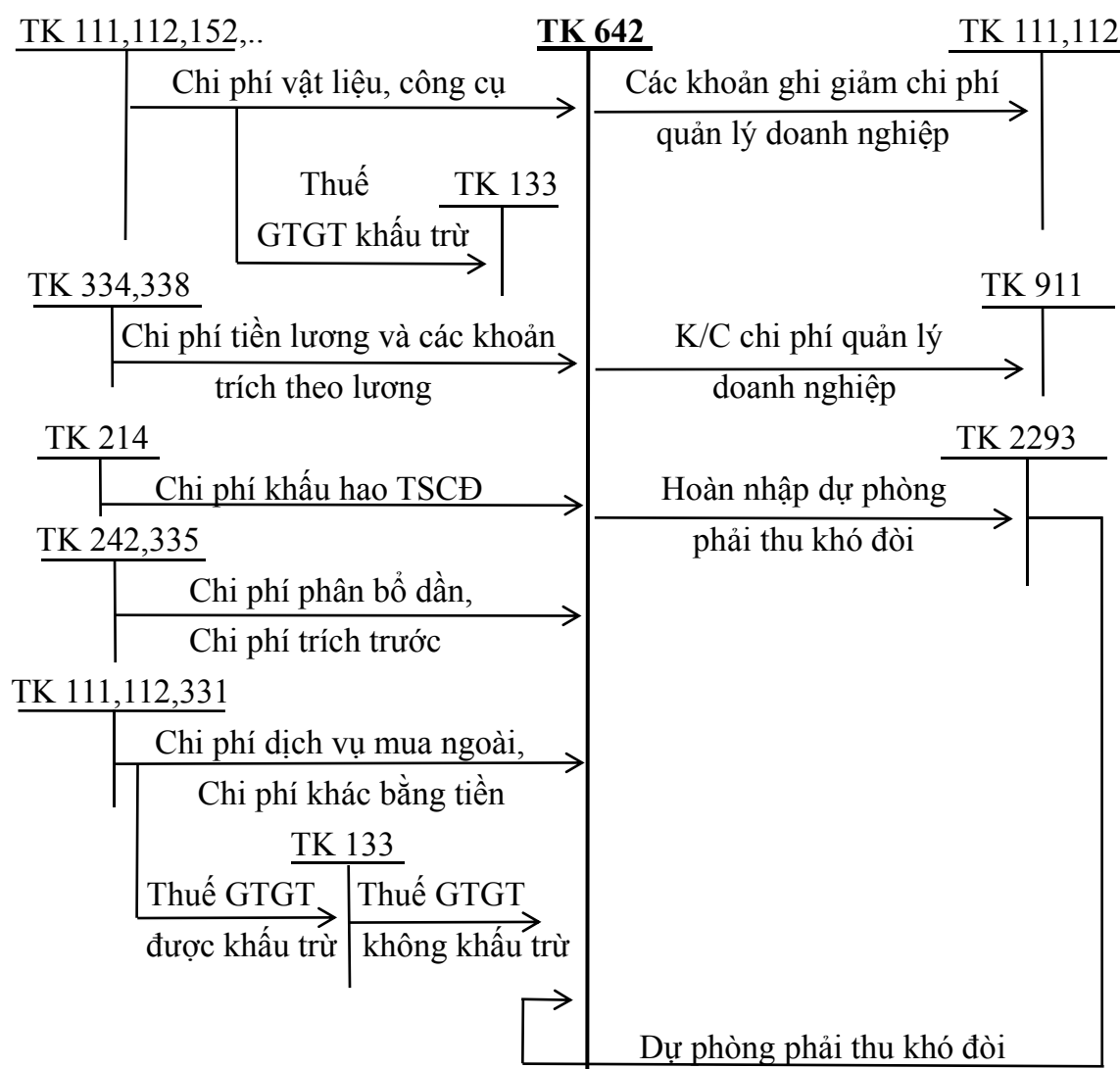
- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

❖ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911	

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.5. Kế toán chi phí khác

a. Nội dung chi phí khác

Căn cứ điều 94 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Biên bản vi phạm hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 94 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

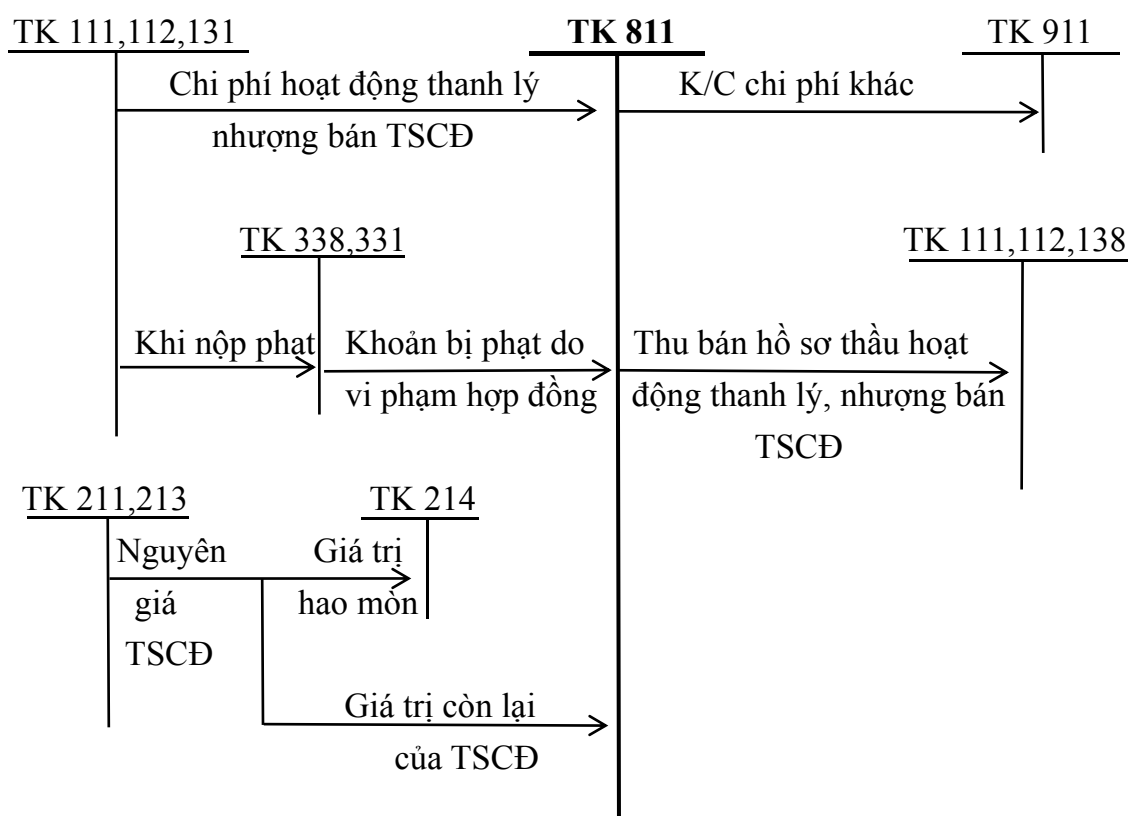
Đề hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 “Chi phí khác”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác

1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ điều 95 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:

- + Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm.
- + Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

- Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế được tính theo công thức như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left[\text{Thu nhập tính thuế} - \frac{\text{Phần trích lập quỹ KH\&CN (Nếu có)}}{\text{KH\&CN (Nếu có)}} \right] \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Trong đó, thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được tính như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\text{Thu nhập được miễn thuế} + \frac{\text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}}{\text{chuyển theo quy định}} \right]$$

- Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp là 20% trừ các trường hợp sau:

+ Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

+ Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

* **Lưu ý:** Tổng doanh thu làm căn cứ xác định mức thuế là doanh thu của kỳ tính thuế trước liền kề.

- Thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định theo công thức như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left[\text{Doanh thu} - \frac{\text{Các khoản chi phí được trừ}}{\text{phí được trừ}} \right] + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

b. Chứng từ sử dụng

- Quyết toán thuế TNDN hằng năm
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 95 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng tài khoản 821 “ Chi phí thuế TNDN ”.

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

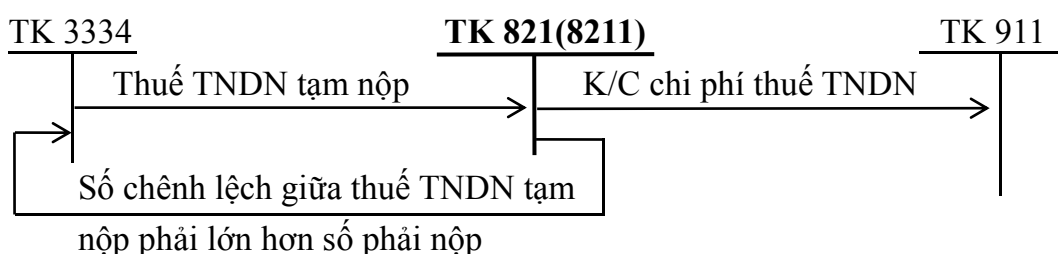
❖ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả. - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

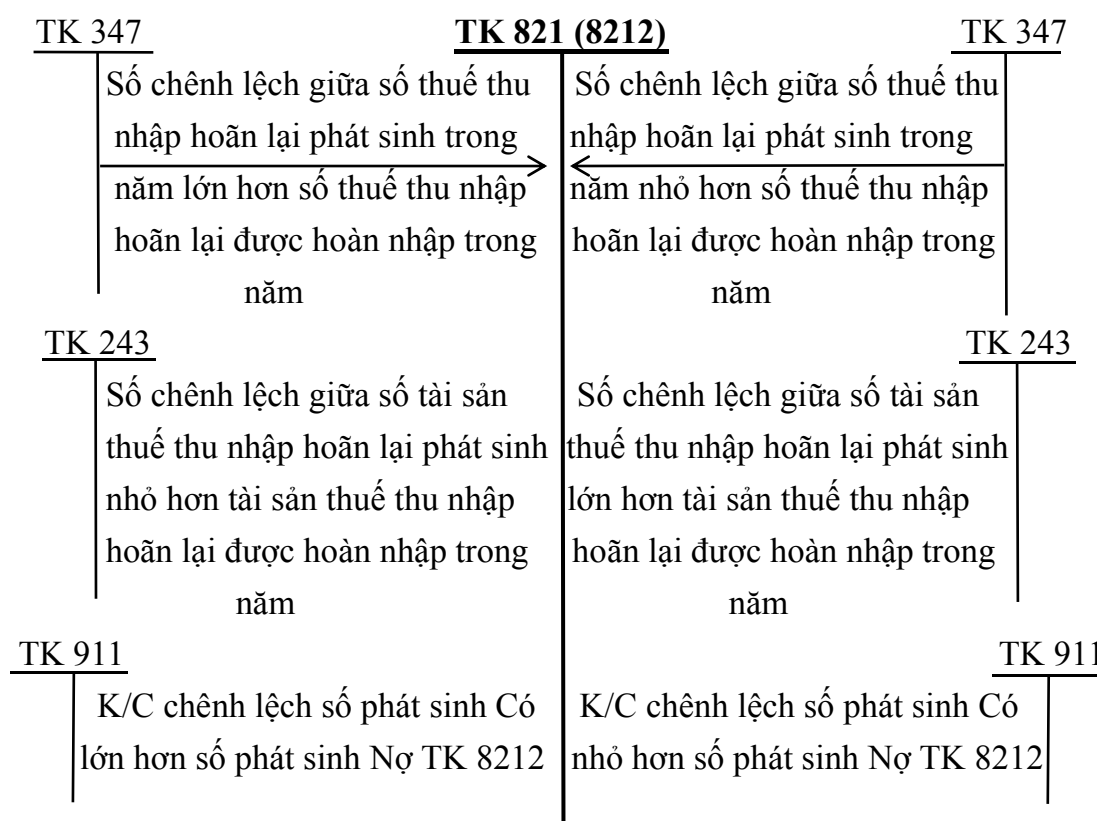
d. Phương pháp hạch toán

❖ **Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành**



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành

❖ **Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại**



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

1.4.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức như sau:

$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN}}{\text{trước thuế TNDN}} - \text{Chi phí thuế TNDN}$
--

- Trong đó, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN được tính theo công thức như sau:

$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$

- Trong đó, chi phí thuế TNDN được tính theo công thức như sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \left[\begin{array}{c} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Phần trích lập quỹ} \\ \text{KH\&CN (Nếu có)} \end{array} \right] \times \begin{array}{c} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{array}$$

- Trong đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh được tính theo công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{HĐKD} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần BH} \\ \text{và CCDV} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{QLDN} \end{array}$$

- Trong đó, lợi nhuận khác được tính theo công thức như sau:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Trong đó, Doanh thu thuần BH và CCDV được tính theo công thức như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{BH và CCDV} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu BH} \\ \text{và CCDV} \end{array} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC.

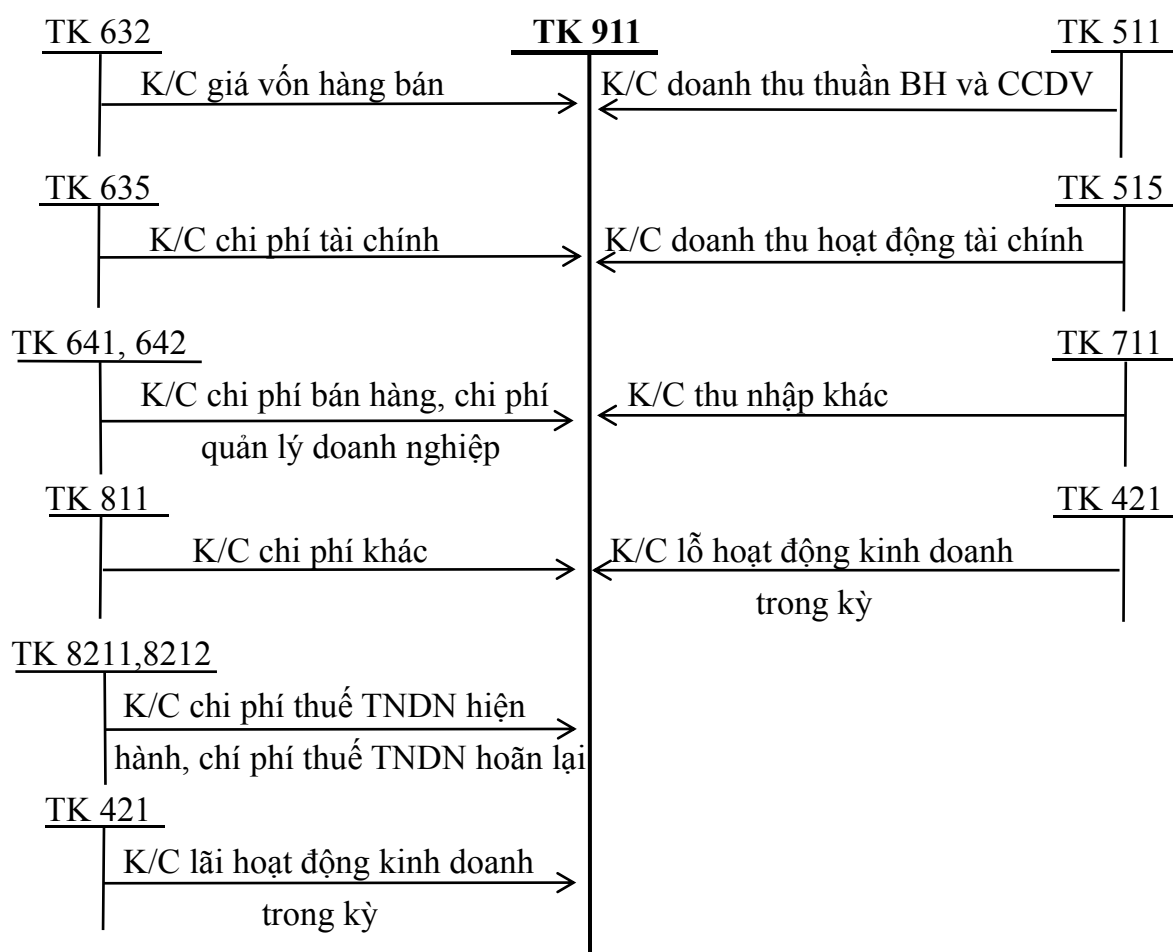
Đề hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.		- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.		- Kết chuyển lỗ.
- Kết chuyển lãi.		

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

2.1.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC
- Tên quốc tế: THO FOODS CO,LTD
- Tên giao dịch: THINH HUNG ORGANIC FOOD COMPANY LIMITED
- Địa chỉ: 06 Lê Sát, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên
- Người đại diện theo pháp luật: Vương Đình Thịnh
- Điện thoại: 0936884777
- Mã số thuế: 0402178730
- Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn thực phẩm cụ thể là cung cấp, phân phối các loại rau lá, củ, quả tươi sống.

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

- Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic được thành lập và đi vào hoạt động 07/02/2023 (Ngày cấp MST) với trụ sở tại 06 Lê Sát, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là bán buôn thực phẩm.

- Dù là một doanh nghiệp mới thành lập (2023), Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic đã thể hiện một tầm nhìn chiến lược táo bạo: Tập trung vào giá trị cốt lõi Organic, đồng thời xây dựng hệ sinh thái sản xuất, phân phối và dịch vụ hỗ trợ toàn diện. Điều này định vị công ty không chỉ là một nhà bán lẻ thực phẩm mà còn là một đơn vị tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và dịch vụ đa ngành tại Đà Nẵng.

- Sự đa dạng hóa ngành nghề này cho thấy Thịnh Hưng Organic có tiềm năng phát triển thành một tập đoàn đa ngành, lấy lĩnh vực Thực phẩm Organic làm trọng tâm, đồng thời tận dụng các dịch vụ hỗ trợ và kinh doanh khác để tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng thị phần tại khu vực miền Trung và cả nước.

- Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic đã hình thành với một chiến lược kinh doanh toàn diện. Thay vì chỉ là nhà cung cấp trung gian, công ty đặt mục tiêu trở thành một nhà sản xuất - phân phối tích hợp với lợi thế về kiểm soát chất lượng từ nguồn gốc đến bàn ăn, đồng thời tận dụng công nghệ bán lẻ trực tuyến và

các lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và mở rộng thị phần.

2.1.3. Lĩnh vực hoạt động, chức năng và nhiệm vụ Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a. Lĩnh vực hoạt động

- Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic hoạt động chính trong lĩnh vực nông sản và thực phẩm, chuyên cung cấp các sản phẩm nông sản sạch và hữu cơ. Các mảng hoạt động chủ đạo bao gồm:

- + Kinh doanh nông sản hữu cơ: Cung cấp đa dạng các loại rau, củ, quả tươi sống đạt tiêu chuẩn Organic cho các đối tác doanh nghiệp và người tiêu dùng lẻ.
- + Phân phối thực phẩm: Xuất bán các loại nông sản và thực phẩm cho các công ty thực phẩm khác trên thị trường.

b. Chức năng

- Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic có chức năng cung cấp các thực phẩm sạch, an toàn cho thị trường. Đảm bảo hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững của công ty.

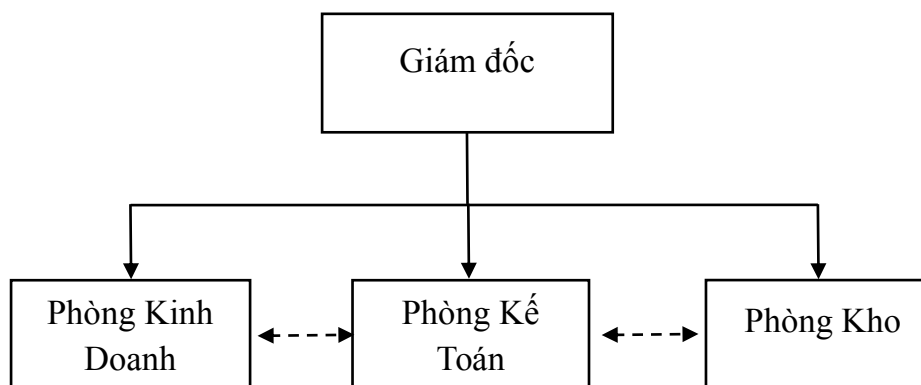
c. Nhiệm vụ

- Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- + Công ty cần duy trì và tiếp tục tìm kiếm các nhà cung cấp lâu dài để đảm bảo nguồn thực phẩm ổn định.
- + Nâng cao chất lượng và mở rộng tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng.
- + Hoàn thiện công tác quản lý và bộ máy kế toán tại công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

Ghi chú:

Chỉ đạo $\longrightarrow$

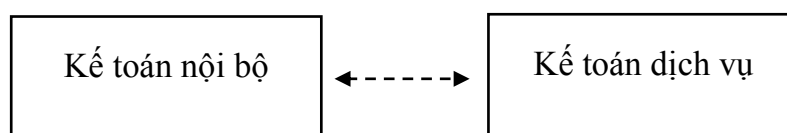
Phối hợp $\longleftrightarrow$

b. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

- Giám đốc: Là người đứng đầu, đại diện pháp luật của công ty
 - + Có nhiệm vụ quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm cao nhất về mọi hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty.
 - + Vạch ra chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh các mặt hàng rau củ quả, trái cây Organic theo từng giai đoạn.
 - + Ra quyết định về nhân sự, tài chính và phê duyệt các hợp đồng kinh tế quan trọng với nhà cung cấp và khách hàng.
- Phòng kinh doanh: Là bộ phận tạo ra doanh thu trực tiếp cho công ty.
 - + Có chức năng nghiên cứu thị trường, xây dựng chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng và quảng bá thương hiệu thực phẩm sạch.
 - + Tìm kiếm và duy trì mối quan hệ với các công ty bán buôn khác.
 - + Phối hợp chặt chẽ với phòng kế toán để theo dõi tình hình thanh toán và đối chiếu công nợ của khách hàng.
- Phòng kế toán: Phản ánh chính xác và kịp thời các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty theo quy định trong chế độ kế toán và quy định của Nhà nước.
 - + Có chức năng theo dõi sát các phát sinh hàng ngày, theo dõi doanh thu bán hàng tại công ty, kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho và quản lý công nợ khách hàng, nhà cung cấp.
 - + Phối hợp với Phòng Kho để kiểm kê hàng hóa định kỳ, đảm bảo số liệu trên máy khớp với thực tế.
- Phòng kho: Có chức năng quản lý quy trình cung ứng, quản lý kho lạnh và kho khô, đảm bảo điều kiện bảo quản thực phẩm tốt nhất.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Ghi chú:

Phối hợp $\longleftrightarrow$

b. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

❖ Kế toán nội bộ

- Theo dõi quản lý nhập, xuất hàng hóa trong kho, định kỳ kiểm kê và đối chiếu số liệu tồn kho giữa sổ sách và thực tế để gửi báo cáo về vấn đề xuất, nhập và tồn hàng hóa.

- Lập chứng từ xuất kho, nhập kho, hóa đơn thu chi, hóa đơn bán hàng, ghi nhận và kiểm tra doanh thu hằng ngày.

- Theo dõi tình hình thu, nhận công nợ với khách hàng (đặc biệt là đối tác bán buôn), dựa vào tình hình kinh tế của công ty để quyết định thực hiện hoặc dời thời gian thu hồi nợ, lên danh sách công nợ, nợ xấu và báo cáo cho giám đốc.

- Theo dõi quản lý và chịu trách nhiệm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, quản lý dòng tiền phục vụ cho sản xuất và kinh doanh.

❖ Kế toán dịch vụ

- Chịu trách nhiệm đảm bảo mọi hoạt động của công ty tuân thủ đúng pháp luật, đặc biệt là các quy định về thuế và báo cáo tài chính bắt buộc.

- Lập và nộp các loại báo cáo thuế định kỳ như Thuế Giá Trị Gia Tăng (VAT), Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (TNDN), Thuế Thu Nhập Cá Nhân (TNCN),... cho cơ quan thuế.

- Tư vấn và áp dụng chính sách thuế phù hợp cho các ngành nghề đặc thù của công ty như (thuế liên quan đến Dịch vụ ăn uống, Bất động sản).

- Chuẩn bị hồ sơ, số liệu và làm việc với cơ quan thuế khi có thanh tra, kiểm tra.

- Tổng hợp số liệu để lập Báo cáo Tài chính theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) hàng quý/năm.

- Cập nhật kịp thời các thay đổi về luật thuế, luật doanh nghiệp để công ty tuân thủ.

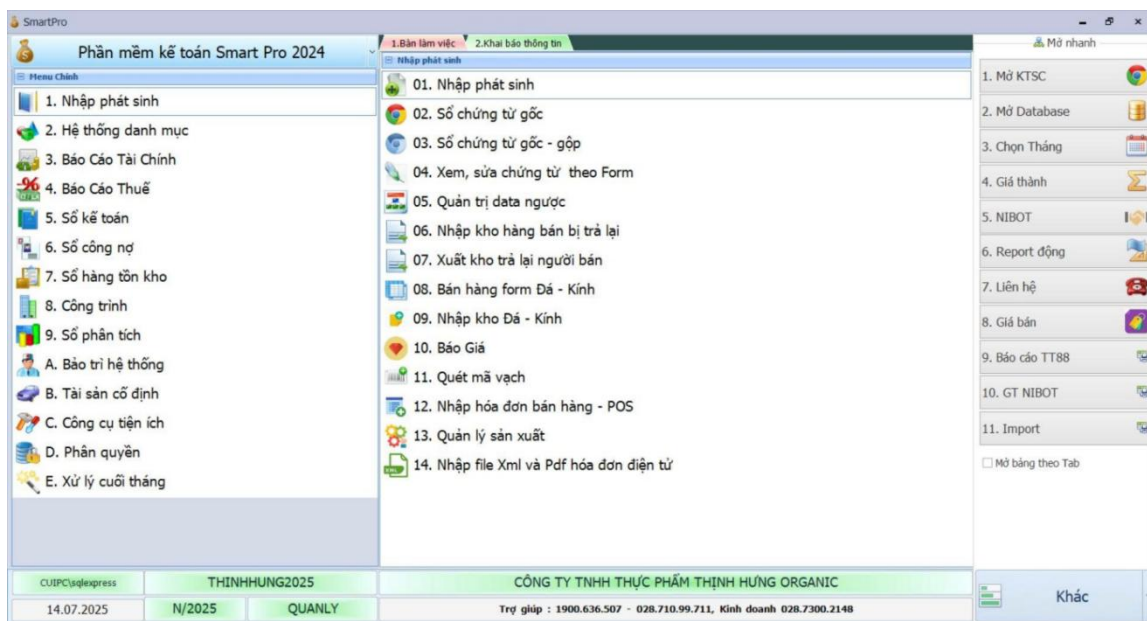
- Giúp công ty kiểm soát các rủi ro tài chính và pháp lý liên quan đến các ngành nghề đa dạng.

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán và phần mềm kế toán áp dụng tại Công ty

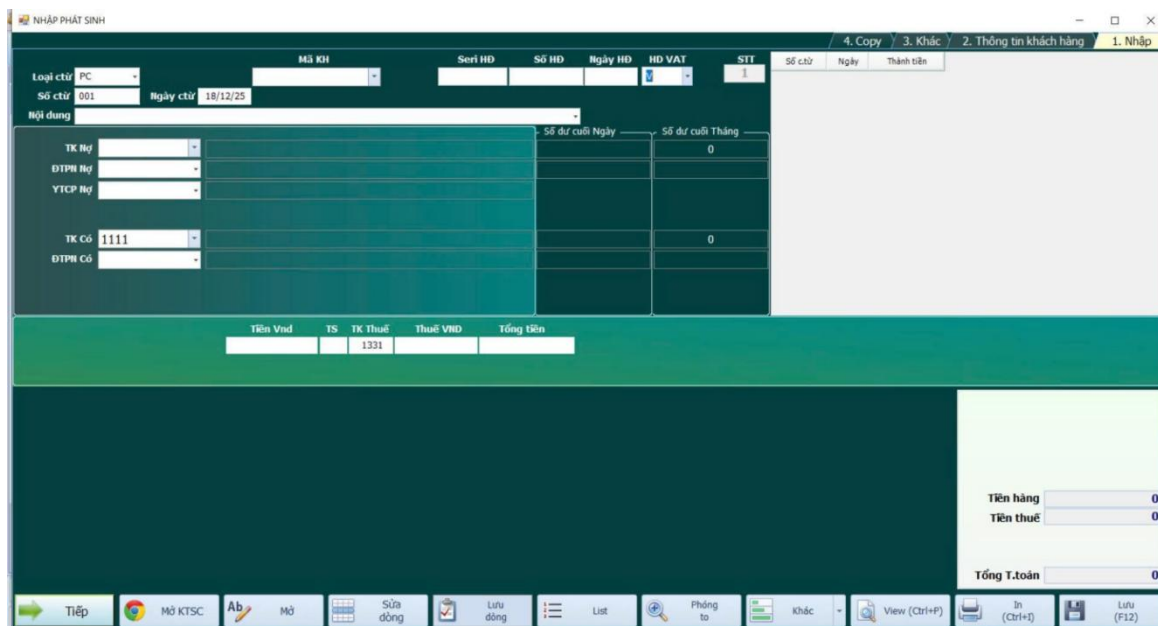
- Để đảm bảo việc ghi nhận kịp thời, đầy đủ và hệ thống hóa thông tin kế toán từ chứng từ gốc, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic đã lựa chọn áp dụng hình thức ghi sổ kế toán **“Nhật ký chung”**.

- Trong thực tế vận hành hiện nay, công ty sử dụng **“Phần mềm kế toán Smart Pro”** để tự động hóa quy trình ghi sổ. Phần mềm Smart Pro là công cụ giúp kế toán viên nhập liệu các chứng từ gốc (hóa đơn, phiếu thu/chi, phiếu nhập/xuất kho) một lần duy nhất. Phần mềm sẽ tự động xử lý và kết xuất dữ liệu để tạo ra tất cả các sổ

sách cần thiết theo hình thức Nhật ký chung (Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết,...) và tự động lên Báo cáo tài chính.

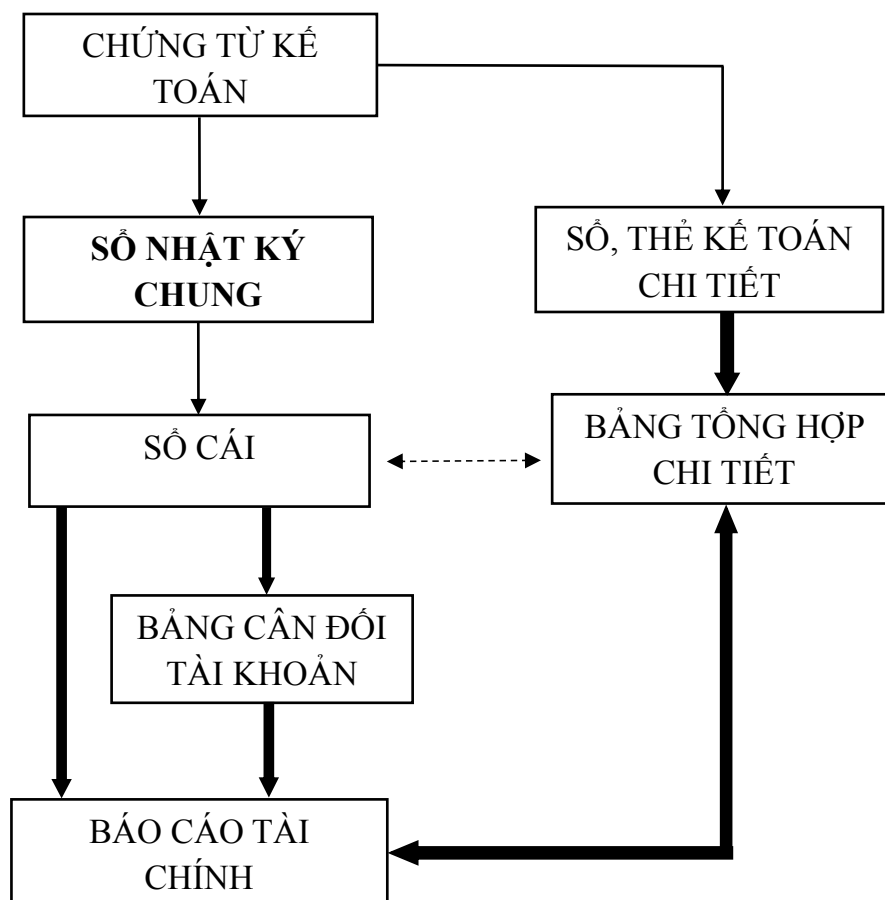


Hình 2.1. Giao diện Phần mềm Smart Pro của công ty



Hình 2.2. Giao diện nhập dữ liệu chi tiết của Phần mềm Smart Pro

❖ **Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung**



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối kỳ kế toán —————→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung**

- Hằng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu nhập/xuất kho, phiếu thu, phiếu chi,.. kế toán sẽ ghi vào sổ Nhật ký chung.

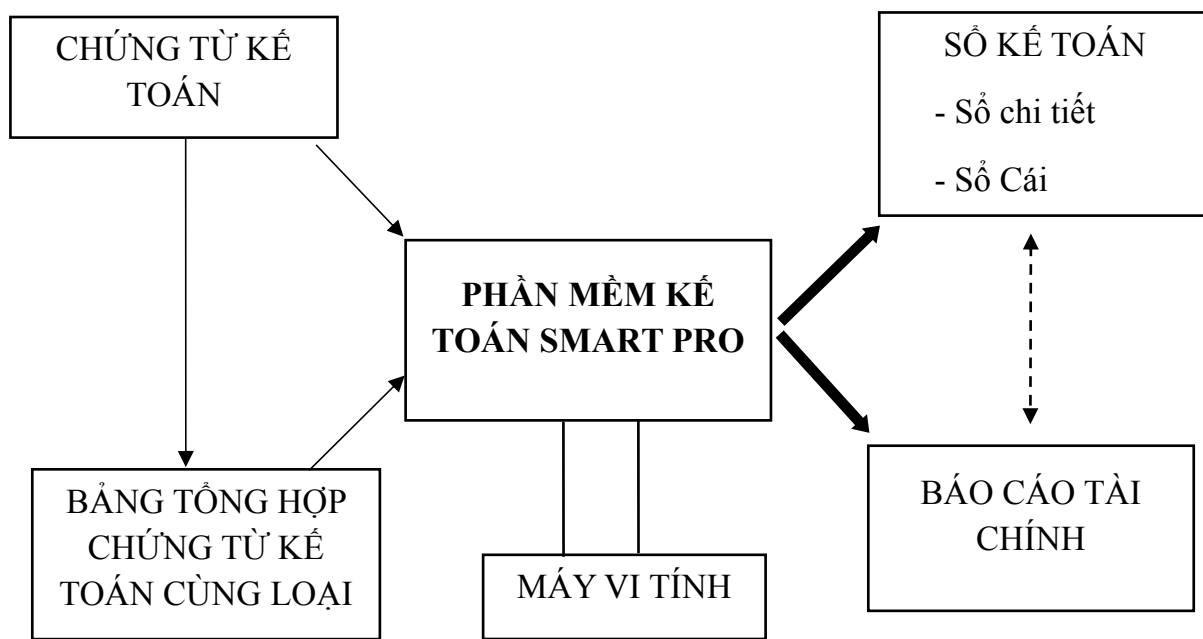
- Đồng thời căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán sẽ ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết, các nghiệp vụ liên quan đến đối tượng cần theo dõi chi tiết (như chi tiết từng loại hàng tồn kho, chi tiết công nợ từng khách hàng) sẽ được cập nhật vào các sổ, thẻ chi tiết tương ứng.

- Căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái. Trong kỳ đã sử dụng bao nhiêu tài khoản thì sẽ có bấy nhiêu Sổ cái tương ứng với các tài khoản đó. Sổ Cái đóng vai trò hệ thống hóa dữ liệu theo từng tài khoản để phục vụ việc lên báo cáo tài chính.

- Định kỳ, kế toán sẽ tiến hành cộng sổ, thẻ kế toán chi tiết để ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết và cộng số liệu trên Sổ cái lập Bảng cân đối tài khoản.

- Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết thì lập Báo cáo tài chính.

❖ **Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính**



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo trên phần mềm Smart Pro

Ghi chú:

Nhập liệu hàng ngày $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối kỳ $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính**

- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ hợp lệ (Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập/xuất kho, Phiếu thu/chi) để xác định tài khoản Nợ/Có và nhập dữ liệu vào các phân hệ tương ứng trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Định kỳ, từ dữ liệu đã xử lý phần mềm tự động kết chuyển số dư để lập Bảng cân đối tài khoản và hệ thống Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh). Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

- Cuối niên độ sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

2.1.7. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

❖ Chế độ kế toán

- Trong năm 2025 công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Từ 01/01/2026 công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

❖ Chính sách kế toán

- Năm tài chính: Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm (theo năm dương lịch).

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

- Phương pháp tính giá xuất kho: Công ty lựa chọn phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO) để tính giá xuất kho. Đây là lựa chọn tối ưu đối với các mặt hàng thực phẩm Organic có hạn sử dụng ngắn, giúp công ty kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm cung ứng ra thị trường, đồng thời hạn chế các tổn thất kinh tế do hàng hóa bị hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng.

- Kỳ báo cáo tài chính: Theo năm

- Phương pháp quản lý hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán SMART PRO 2024

- Hình thức hóa đơn: Hóa đơn điện tử của VIN-HOADON

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

2.2.1 Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic được hình thành từ hai nguồn chính là bán lẻ trực tiếp tại công ty và cung cấp sỉ cho các đại lý.

- Toàn bộ doanh thu phát sinh từ việc tiêu thụ các mặt hàng thực phẩm Organic có hạn sử dụng ngắn, đòi hỏi quy trình ghi nhận doanh thu phải cực kỳ nhanh chóng và chính xác để đối chiếu với lượng hàng xuất kho thực tế.

- Phương thức thanh toán linh hoạt:

+ Đối với khách bán lẻ: Doanh thu chủ yếu được thu bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngay, được kế toán nội bộ nhập liệu trực tiếp vào hệ thống để theo dõi vốn bằng tiền.

+ Đối với khách hàng đại lý: Công ty áp dụng hình thức bán hàng thu tiền sau, dẫn đến việc hình thành các khoản công nợ phải thu (TK 131) được quản lý chặt chẽ trên phân hệ "Số công nợ" của phần mềm Smart Pro.

+ Thời điểm ghi nhận doanh thu: Doanh thu được ghi nhận ngay khi sản phẩm được bàn giao cho khách hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành.

+ Ứng dụng công nghệ trong quản lý: Toàn bộ dữ liệu doanh thu bán lẻ và bán sỉ được kế toán nhập liệu qua màn hình "Nhập phát sinh" hoặc "Nhập hóa đơn bán hàng" trên phần mềm Smart Pro, giúp thông tin doanh thu được cập nhật nhanh chóng.

a.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu bán hàng, kế toán nội bộ tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic sử dụng hệ thống tài khoản phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC.

- Tài khoản cấp 1: Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tuy nhiên ở Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic chỉ có doanh thu từ việc bán hàng hóa như trái cây, rau củ quả nên chỉ sử dụng TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

❖ Chứng từ sử dụng

- Chứng từ kế toán được sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT (Hóa đơn điện tử): Là chứng từ gốc quan trọng nhất để xác định doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra phải nộp.

+ Phiếu thu, Giấy báo Có của Ngân hàng: Chứng từ xác nhận việc khách hàng đã thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

❖ Sổ sách kế toán

- Các sổ sách kế toán được sử dụng bao gồm:

+ Sổ Nhật Ký Chung

+ Sổ Cái tài khoản 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

- + Sổ Chi tiết tài khoản 5111 (Doanh thu bán hàng hóa)

a.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế

❖ **Nghiệp vụ minh họa 1**

Ngày 10/11/2025, Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic tiến hành xuất bán lô hàng hóa cho Công ty Cổ Phần MVILLAGE.

- + Tổng giá trị đơn hàng (chưa VAT): 658.500 VNĐ
- + Thuế GTGT (5%)
- + Chi tiết danh mục hàng hóa Công ty Cổ Phần MVILLAGE đã đặt như sau:

Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
Dưa Leo	Kg	0,5
Chôm Chôm	Kg	2
Ồi	Kg	1
Quýt Đường	Kg	2
Chuối Cau	Kg	3
Sả Cây	Kg	0,5
Giá	Kg	0,5
Salad Lolo Xanh	Kg	1
Chanh không hạt	Kg	0,5
Húng Quế	Kg	0,3
Dừa Xiêm Gọt Vỏ	Trái	5
Dưa Hấu	Kg	3

- Sau khi tiếp nhận đơn đặt hàng và xác nhận thanh toán, kế toán đã lập hóa đơn GTGT số 00000348 trên VIN - HOADON và gửi cho Công ty Cổ Phần MVILLAGE.

❖ **Trình tự lập hóa đơn mới trên VIN - HOADON**

- Bước 1: Đăng nhập hệ thống VIN - HOADON, nhập **mã số thuế, tên đăng nhập, mật khẩu** của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic.
- Bước 2: Trên trang chủ chính chọn mục **Danh sách hóa đơn**, chọn chức năng **Tạo hóa đơn**.
- Bước 3: Nhập thông tin chi tiết hóa đơn như **thông tin khách hàng, tên hàng hóa/dịch vụ, thuế suất GTGT**
- Bước 4: Sau khi nhập xong, nhấn **Lưu tạm** và gửi hóa đơn nháp cho khách hàng để họ xác nhận thông tin trước khi xuất chính thức.

- Bước 5: Sau khi khách hàng xác nhận thông tin, kế toán chọn hóa đơn cần xuất và ký hóa đơn.

Giải pháp hóa đơn điện tử toàn diện

Đơn vị hàng đầu cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử

visnam

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM

ĐƠN VỊ T-VAN

Được Tổng Cục Thuế cấp phép truyền nhận HĐĐT
Hotline: 1900 6134 - <https://www.visnam.com/>

Số tài khoản: 0041.000.224.725
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Đăng nhập

Mã số thuế:*
Mã số thuế

Tên đăng nhập:*
Tên đăng nhập

Mật khẩu:*
Mật khẩu

☐ Ghi nhớ đăng nhập

Đăng nhập

[Quên mật khẩu?](#)

Hình 2.3. Giao diện đăng nhập Vin - hóa đơn

VIN-HOADON | Hóa đơn | Xử lý hóa đơn | Danh mục | Bảo cáo | VPBank

SL HĐ còn lại: 836/2.000 | 19006134 | KTT

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

Mã số thuế: 0402178730

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Địa chỉ: 06 Lê Sát, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

1 - C25TOR

Số: 466

Ngày lập: 01/05/2026

Mã số thuế: 0316527995

Tên người mua: Tên người mua

E-mail: Email

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MIVILLAGE

Số điện thoại: Số điện thoại

Địa chỉ: 107/2 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã QHNS

Phương thức TT: Tiền mặt/Chuyển khoản

TK người bán: Chọn tài khoản

Ngân hàng: Ngân hàng

Tiền tệ: VND - Việt Nam Đồng

TK người mua: Tài khoản người mua

Ngân hàng: Ngân hàng

Ghi chú: CCCD

Hộ chiếu

F2: thêm dòng, Enter: xuống dòng, Alt + Enter: xuống dòng tên hàng hóa

STT	KM	Loại	Hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế
1	☐	Hàng hóa	dưa leo	Kg	0,5	25.000	12.500	5%	625
2	☐	Hàng hóa	Chôm Chôm	Kg	2	60.000	120.000	5%	6.000
3	☐	Hàng hóa	đi	Kg	1	30.000	30.000	5%	1.500
4	☐	Hàng hóa	Quýt Đường	Kg	2	45.000	90.000	5%	4.500
5	☐	Hàng hóa	Chuối Cau	Kg	3	35.000	105.000	5%	5.250
6	☐	Hàng hóa	Sả Cây	Kg	0,5	20.000	10.000	5%	500
7	☐	Hàng hóa	già	Kg	0,5	15.000	7.500	5%	375
8	☐	Hàng hóa	Salad Lolo Xanh	Kg	1	45.000	45.000	5%	2.250
9	☐	Hàng hóa	Chanh Không Hạt	Kg	0,5	35.000	17.500	5%	875
10	☐	Hàng hóa	húng quế	Kg	0,3	120.000	36.000	5%	1.800
11	☐	Hàng hóa	Dứa Xiêm Gọt Vỏ	Trái	5	25.000	125.000	5%	6.250
12	☐	Hàng hóa	Dứa Hấu	Kg	3	20.000	60.000	5%	3.000
Tổng cộng: 13									15

Chiết khấu sau thuế

Tổng tiền hàng: 658.500

Tổng tiền trước thuế 5%: 658.500

Tổng tiền thuế: 32.925

Tổng tiền thanh toán: 691.425

Sáu trăm chín mươi một nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng

Zalo

Lưu tạm | Trình ký | Ký | Xem trước | Trở lại

Hình 2.4. Minh họa phần mềm xuất hóa đơn

➤ Cuối cùng ta sẽ có hóa đơn như sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)					
Bán thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)			Ký hiệu (Serial No): 1C25TOR Số (No.): 00000348		
Ngày (date) 10 tháng (month) 11 năm (year) 2025 Mã QGT: 00E892857E9C54488DA2345AFD72CFE1B9					
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC					
Mã số thuế (Tax code): 0402178730					
Địa chỉ (Address): 06 Lê Sát, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):					
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN MVILLAGE					
Địa chỉ (Address): 107/2 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
Mã số thuế (Tax code): 0316527995					
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản					
Số tài khoản (A/C No):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	dưa leo	Kg	0,5	25.000	12.500
2	Chôm Chôm	Kg	2	60.000	120.000
3	ổi	Kg	1	30.000	30.000
4	Quýt Đường	Kg	2	45.000	90.000
5	Chuối Cau	Kg	3	35.000	105.000
6	Sả Cây	Kg	0,5	20.000	10.000
7	già	Kg	0,5	15.000	7.500
8	Salad Lolo Xanh	Kg	1	45.000	45.000
9	Chanh Không Hạt	Kg	0,5	35.000	17.500
10	húng quế	Kg	0,3	120.000	36.000
11	Dừa Xiêm Gọt Vỏ	Trái	5	25.000	125.000
12	Dưa Hấu	Kg	3	20.000	60.000
PO1125/00268					
Cộng tiền hàng (Total amount):					658.500
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 32.925
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					691.425
Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu trăm chín mươi một nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)		
			Signature valid Được ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC Ngày ký: 10 / 11 / 2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 2E65WHU9H7N8					
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901					

Hình 2.5. Hóa đơn GTGT số 00000348 ngày 10/11/2025

➤ Sau khi xuất hóa đơn GTGT, kế toán sẽ nhập hóa đơn bán ra trên phần mềm Trên giao diện phần mềm Smart Pro 2024, kế toán lập chứng từ như sau:

- Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm -> Chọn **nhập phát sinh**
- Bước 2: Nhập thông tin hóa đơn vào như **số hóa đơn, ngày hóa đơn, thuế VAT, mã hàng hóa, số lượng...**
- Bước 3: Nhấp **Lưu**

Mã HH Xuất	Tên danh mục	TT	TK Nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	% CK	Chiết khấu	Tổng Tiền
DUALAO	dưa leo	1	131	Kg	1	25,000	12,500	5	625	0	0	13,125
CHOMCHOM	Chôm Chôm	2	131	Kg	2	60,000	120,000	5	6,000	0	0	126,000
OI	ổi	3	131	Kg	1	30,000	30,000	5	1,500	0	0	31,500
QUYTDUONG	Quýt Đường	4	131	Kg	2	45,000	90,000	5	4,500	0	0	94,500
CHUOICAU	Chuối Cau	5	131	Kg	3	35,000	105,000	5	5,250	0	0	110,250
SACAY	Sà Cây	6	131	Kg	1	20,000	10,000	5	500	0	0	10,500
GIA	già	7	131	Kg	1	15,000	7,500	5	375	0	0	7,875
SALADLOLOX...	Salad Lolo Xanh	8	131	Kg	1	45,000	45,000	5	2,250	0	0	47,250
CHANHKHONG...	Chanh Không Hạt	9	131	Kg	1	35,000	17,500	5	875	0	0	18,375
HUNGQUE	húng quế	10	131	Kg	0	120,000	36,000	5	1,800	0	0	37,800
		78			19.30	475,000	658,500		32,925	0	0	691,425

Thành tiền usd	0.00	Chiết khấu 1	0	Thành tiền Vnd	658,500
Thuế usd	0.00	Chiết khấu 2	0	Thuế Vnd	32,925
Tổng TT usd	0.00	T.điền sau ck	658,500	Tổng TT Vnd	691,425

Hình 2.6. Giao diện Hóa đơn bán hàng số 00000348 trên phần mềm

- Sau khi nhấn nút “Lưu” thì phần mềm sẽ tự động lên sổ Nhật Ký Chung, Sổ Cái TK 511, Sổ Chi tiết TK 5111.

❖ Nghiệp vụ minh họa 2

Ngày 14/11/2025, đại diện Công ty TNHH MTV Quốc Toàn HTP đã đến trực tiếp tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic để tìm hiểu và đặt mua các loại rau củ quả phục vụ cho hoạt động của công ty.

+ Tổng giá trị đơn hàng (chưa VAT): 2.721.000 VNĐ

+ Thuế GTGT (5%)

+ Chi tiết danh mục hàng hóa Công ty TNHH MTV Quốc Toàn HTP đã đặt như sau:

Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
Bí Đao	Kg	10
Bí Đỏ	Kg	10
Cà Chua	Kg	5
Cà Rốt	Kg	5
Đậu Cove	Kg	7
Dưa Leo	Kg	10
Hành Lá	Kg	2
Khổ Qua	Kg	7
Rau Má	Kg	7
Su Hào	Kg	10
Su Trắng	Kg	10
Thơm	Quả	3
Mồng Tơi	Kg	7

- Sau khi tiếp nhận đơn đặt hàng và xác nhận thanh toán, kế toán đã lập hóa đơn GTGT số 00000351 và gửi cho Công ty TNHH MTV Quốc Toàn HTP.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 14 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã CQT: 009C152629DF7A49C2A09FD46A42E82C35

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

Mã số thuế (Tax code): 0402178730

Địa chỉ (Address): 06 Lê Sát, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ký hiệu (Serial No.): **1C25TOR**

Số (No.): **00000351**

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TOÀN HTP

Địa chỉ (Address): K12/113 Trường Sơn, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0402041528

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	BÍ ĐÀO	KG	10	18.000	180.000
2	BÍ ĐỎ	KG	10	18.000	180.000
3	CÀ CHUA	KG	5	35.000	175.000
4	CÀ RỐT	KG	5	16.000	80.000
5	ĐẬU COVE	KG	7	45.000	315.000
6	DƯA LEO	KG	10	25.000	250.000
7	HÀNH LÁ	KG	2	30.000	60.000
8	KHÔ QUA	KG	7	40.000	280.000
9	RAU MÁ	KG	7	60.000	420.000
10	SU HẢO	KG	10	25.000	250.000
11	SU TRẮNG	KG	10	15.000	150.000
12	THƠM	QUA	3	22.000	66.000
13	MỎNG TƠI	KG	7	45.000	315.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.721.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 136.050
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					2.857.050

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn không trăm năm mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

Ngày ký: 14 / 11 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2QMLQF3U5EXA

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.7. Hóa đơn GTGT số 00000351 ngày 14/11/2025

- Sau khi xuất hóa đơn GTGT, kế toán sẽ nhập hóa đơn bán ra trên phần mềm Smart Pro.

Thông tin khách

Loại C.từ: HDBR, Seri HD: 1C25TOR, TK Nợ: 1111, ĐTPN Nợ: 0402041528, CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TOÀN HTP
 Số C.từ: 351, Số HD: 351, TK Có: 5111, ĐTPN Có: 0402178730, CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC
 Ngày C.từ: 14/11/25, Ngày HD: 14/11/25, Mã YTCP Nợ: , Hợp đồng: ,
 Đến giả: BÍ ĐẠO, Công trình: ,
 Khách hàng: 0402041528, CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TOÀN HTP, N giao dịch:

Mã HH Xuất	Tên danh mục	TT	TK Nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	% CK	Chiết khấu	Tổng Tiền
BIDAO	BÍ ĐẠO	1	1111	KG	10	18,000	180,000	5	9,000	0	0	189,000
BIDO	BÍ ĐỎ	2	1111	KG	10	18,000	180,000	5	9,000	0	0	189,000
CACHUA	CÁ CHUA	3	1111	KG	5	35,000	175,000	5	8,750	0	0	183,750
CAROT	CÁ RÓT	4	1111	KG	5	16,000	80,000	5	4,000	0	0	84,000
DAUCOVE	ĐẬU COVE	5	1111	KG	7	45,000	315,000	5	15,750	0	0	330,750
DUALEO	DƯA LEO	6	1111	KG	10	25,000	250,000	5	12,500	0	0	262,500
HANH LA	HÀNH LÀ	7	1111	KG	2	30,000	60,000	5	3,000	0	0	63,000
KHOQUA	KHỔ QUA	8	1111	KG	7	40,000	280,000	5	14,000	0	0	294,000
RAUMA	RAU MÀ	9	1111	KG	7	60,000	420,000	5	21,000	0	0	441,000
SUHAO	SU HẢO	10	1111	KG	10	25,000	250,000	5	12,500	0	0	262,500
		91			93.00	394,000	2,721,000		136,050	0	0	2,857,050

Usd CK: 0.00, Thành tiền usd: 0.00, Chiết khấu 1: 0, Thành tiền Vnd: 2,721,000
 Máy tính: 0.000, Thuế usd: 0.00, Chiết khấu 2: 0, Thuế Vnd: 136,050
 Tổng TT usd: 0.00, T. tiền sau ck: 2,721,000, Tổng TT Vnd: 2,857,050

F12 Lưu, Excel, F5 Chiết khấu, F7 Thêm, F8 Xóa, F6 Đến cột, Ctrl + P View, Ctrl + I In luôn, Khác, List All

Hình 2.8. Giao diện Hóa đơn bán hàng số 00000351 trên phần mềm

- Sau khi nhập hóa đơn xong thì phần mềm sẽ tự động lên sổ Nhật Ký Chung, Sổ Cái TK 511, Sổ Chi tiết TK 5111
- Để xem sổ Nhật Ký Chung kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Nhật Ký Chung” -> Chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Nhật Ký Chung sẽ hiện ra (Xem ở trang 73)
- Để xem sổ Cái TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Cái” -> Chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Cái TK 511 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...		...	...	...
06/11/25	HDBR.330	06/11/25	Xoài keo trái	131		33,578,900
07/11/25	HDBR.334	07/11/25	Mé trắng	131		22,450,000
08/11/25	HDBR.336	08/11/25	Xoài keo trái	131		22,646,600
09/11/25	HDBR.338	09/11/25	tỏi	131		47,053,000
10/11/25	HDBR.349	10/11/25	Su trái	131		4,667,600
10/11/25	HDBR.348	10/11/25	Salad Lolo Xanh	131		658,500
14/11/25	HDBR.350	14/11/25	Đậu phộng hạt	131		11,400,000
14/11/25	HDBR.351	14/11/25	THƠM	1111		2,721,000
14/11/25	HDBR.352	14/11/25	Xoài keo trái	131		18,078,400
15/11/25	HDBR.353	15/11/25	Xoài keo trái	131		27,584,000
17/11/25	HDBR.354	17/11/25	Nén	131		16,390,500
18/11/25	HDBR.364	18/11/25	Salad Lolo Xanh	131		707,000
19/11/25	HDBR.380	19/11/25	Thơm Trái Chứa Gọt Vỏ	131		200,000
20/11/25	HDBR.381	20/11/25	Xoài keo trái	131		23,352,600
21/11/25	HDBR.382	21/11/25	tỏi	131		81,578,200
28/11/25	HDBR.389	28/11/25	Thơm	131		46,032,700
29/11/25	HDBR.390	29/11/25	Salad Lolo Xanh	131		1,063,500
30/11/25	KC.01	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	876,464,340	
...	...	...		...	...	...
			CỘNG PHÁT SINH		8,286,231,409	8,286,231,409
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		8,286,231,409	8,286,231,409

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán nội bộ

Giám đốc

Lê Thị Thảo

Lê Thị Thảo

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

- Để xem sổ Chi tiết TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa, kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Chi tiết các tài khoản” -> Chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa -> Chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Chi tiết TK 5111 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

Mẫu số S38-DN

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Mã số thuế : 0402178730

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**Mã hiệu : 5111-Doanh thu bán hàng hóa**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
...	...	...	...	...	...	...
07/11/25	HDBR 334	07/11/25	Đậu phộng hạt	131		8,550,000
07/11/25	HDBR 334	07/11/25	Mè trắng	131		13,900,000
08/11/25	HDBR 335	08/11/25	Chanh Dây	131		70,000
08/11/25	HDBR 335	08/11/25	Húng Lủi	131		24,000
09/11/25	HDBR 337	09/11/25	Cóc miền nam	131		225,600
09/11/25	HDBR 337	09/11/25	Cóc non	131		193,200
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	đưa leo	131		12,500
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Chôm Chôm	131		120,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	ổi	131		30,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Quýt Đường	131		90,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Chuối Cau	131		105,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Sả Cây	131		10,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	già	131		7,500
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Salad Lolo Xanh	131		45,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Chanh Không Hạt	131		17,500
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	húng quế	131		36,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Dừa Xiêm Gọt Vỏ	131		125,000
10/11/25	HDBR 348	10/11/25	Dừa Hấu	131		60,000
10/11/25	HDBR 349	10/11/25	Đùi gà góc tư đông lạnh	131		798,000
10/11/25	HDBR 349	10/11/25	Su trái	131		81,600
10/11/25	HDBR 349	10/11/25	Bí đỏ	131		99,000
10/11/25	HDBR 349	10/11/25	Cà chua	131		138,000
14/11/25	HDBR 350	14/11/25	Đậu phộng hạt	131		11,400,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	BÍ ĐÀO	1111		180,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	BÍ ĐỎ	1111		180,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	CÀ CHUA	1111		175,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	CÀ RỐT	1111		80,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	ĐẬU COVE	1111		315,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	DƯA LEO	1111		250,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	HÀNH LÁ	1111		60,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	KHỔ QUA	1111		280,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	RAU MÁ	1111		420,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	SU HẢO	1111		250,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	SU TRẮNG	1111		150,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	THƠM	1111		66,000
14/11/25	HDBR 351	14/11/25	MÔNG TƠI	1111		315,000
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	HDBR 400	30/11/25	Chôm chôm miền nam	131		1,115,000
30/11/25	HDBR 400	30/11/25	Chuối cau	131		3,646,500
30/11/25	HDBR 400	30/11/25	Dâu tây đã lát	131		1,351,500
30/11/25	KC 01	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	876,464,340	
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh		8,286,231,409	8,286,231,409
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
Lê Thị ThảoKế toán nội bộ
Lê Thị ThảoGiám đốc
VƯƠNG ĐÌNH THINH

b. *Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic*

(Trong năm tài chính 2025 Công ty không có phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên em không trình bày về nội dung này)

c. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic*

c.1. *Nội dung doanh thu hoạt động tài chính*

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic trong năm 2025 chủ yếu phát sinh từ các khoản thu lãi tiền gửi ngân hàng.

c.2. *Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán*

❖ Tài khoản sử dụng

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic sử dụng TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

❖ Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng, Giấy Báo Có,...

❖ Sổ sách kế toán

- Sổ Nhật Ký Chung; Sổ Cái tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

c.3. *Minh họa nghiệp vụ kinh tế*

❖ Nghiệp vụ minh họa 3

- Ngày 18/10/2025, Công ty nhận được Giấy báo Có trả lãi tiền gửi của ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (MB). Số tiền lãi mà công ty nhận được là 2.740 đồng.

MB

<

Chứng từ này được xuất tự động từ hệ thống của Ngân hàng TMCP Quân đội/ This document is automatically exported from MBBank's System

Hình 2.9. Sổ phụ ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (MB)

- Kế toán căn cứ từ sổ phụ ngân hàng hoặc Giấy báo Có để hạch toán lên phần mềm.

The screenshot displays the 'Smart Pro' software interface for recording transactions. At the top, there's a header with 'Thông tin chính' and 'Thông tin khác'. Below this, various fields are populated: 'Loại C.từ' (CTNH), 'Seri HD' (123), 'Ngày C.từ' (18/10/25), 'Diễn giải' (Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20251018), 'TK Nợ' (1121), 'TK Có' (515), 'ĐTPN Nợ', 'ĐTPN Có', 'Hợp đồng', 'Công trình', and 'N giao dịch'. A table below shows transaction details with columns: TT, Seri HD, Số HD, Ngày HD, Diễn giải, TK Nợ, ĐTPN Nợ, TK Có, ĐTPN Có, Thành tiền VND, % TS, Tiền thuế VND, Tên khách hàng, and Mã số thuế. The table contains one row with transaction type '1', serial number '1', date '18/10/25', description 'Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20251018', and amounts of 2,740 VND. The bottom section shows a summary of the transaction with fields for 'Usd CK' (0.00), 'Mấy tính' (0.000), 'Thành tiền usd' (0.00), 'Thuế usd' (0.00), 'Tổng TT usd' (0.00), 'Chiết khấu 1' (0), 'Chiết khấu 2' (0), 'T.điền sau ck' (2,740), 'Thành tiền Vnd' (2,740), 'Thuế Vnd' (0), and 'Tổng TT Vnd' (2,740). The bottom bar contains buttons for F12 (Lưu), Excel, F5 (Chiết khấu), F7 (Thêm), F8 (Xóa), F6 (Đến cột), Ctrl + P (View), Ctrl + I (In luôn), and List All.

Hình 2.10. Giao diện hạch toán lãi tiền gửi trên phần mềm Smart Pro

- Sau khi kế toán hạch toán vào phần mềm xong thì phần mềm sẽ tự động lên sổ Nhật Ký Chung, Sổ Cái TK 515
- Để xem sổ Nhật Ký Chung kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Nhật Ký Chung” -> Chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Nhật Ký Chung sẽ hiện ra (Xem ở trang 73)
- Để xem sổ Cái TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính, kế toán thực hiện thao tác trên phần mềm: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Cái” -> Chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Cái TK 515 sẽ hiện ra.

SỔ CÁI
Mã hiệu :515 - Doanh thu hoạt động tài chính
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...	...	...	...	...
19/07/25	CTNH.76	19/07/25	Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20250719	1121		1,047
31/07/25	KC.02	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1,047	
16/08/25	CTNH.94	16/08/25	Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20250816	1121		1,289
31/08/25	KC.02	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1,289	
20/09/25	CTNH.108	20/09/25	Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20250920	1121		1,732
30/09/25	KC.02	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1,732	
18/10/25	CTNH.123	18/10/25	Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20251018	1121		2,740
31/10/25	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	2,740	
16/11/25	9555678678-20	16/11/25	Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20251115	1121		12,287
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	12,287	
21/12/25	9555678678-20	21/12/25	Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20251220	1121		8,799
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	8,799	
			CỘNG PHÁT SINH		35,783	35,783
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		35,783	35,783

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán nội bộ

Giám đốc

Lê Thị Thảo

Lê Thị Thảo

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

d. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

(Trong năm tài chính 2025 Công ty không có phát sinh các khoản thu nhập khác nên em không trình bày về nội dung này)

2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a.1. Nội dung giá vốn hàng bán

- Các mặt hàng của Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic thường có chu kỳ nhập hàng ngắn và giá cả biến động theo mùa vụ hoặc nhà cung cấp, giá vốn hàng bán tại công ty luôn thay đổi theo từng đợt nhập hàng thực tế.

- Vì kinh doanh các loại thực phẩm có hạn sử dụng ngắn nên công ty áp dụng phương pháp FIFO để tính giá xuất kho. Đặc điểm này giúp công ty phản ánh đúng thực tế luân chuyển hàng hóa tránh tình trạng thực phẩm quá hạn sử dụng.

- Giá vốn hàng bán không được xác định ngay khi nhập phát sinh vào phần mềm mà sẽ được “**phần mềm Smart Pro**” tính toán tự động. Điều này giúp kế toán nội bộ kiểm soát được giá vốn trung bình một cách chính xác nhất.

a.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến giá vốn hàng bán, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic sử dụng TK 632 - Giá vốn hàng bán.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho; Các chứng từ có liên quan khác,...

❖ **Sổ sách kế toán**

- Sổ Nhật Ký Chung: Phản ánh các nghiệp vụ ghi nhận giá vốn hàng bán theo trình tự thời gian

- Sổ Cái Tài khoản 632 (Giá vốn hàng bán): Dùng để tập hợp tổng giá trị hàng bán đã xuất trong kỳ phục vụ việc kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.

a.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế

❖ **Nghiệp vụ minh họa 4**

Ngày 10/11/2025, Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic tiến hành xuất bán một lô hàng hóa cho Công ty Cổ Phần MVILLAGE (Đã trích ở nghiệp vụ minh họa 1 phần Doanh thu bán hàng hóa).

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00000348, ký hiệu 1C25TOR ngày 10/11/2025 đã trình bày ở phần doanh thu bán hàng, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC				Mẫu số : 02 - TT			
63 Lê Nổ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố				(Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC)			
MST : 0402178730				Ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)			
PHIẾU XUẤT KHO				Số : 348			
Ngày 10 tháng 11 năm 2025				Nợ : 632			
Người nhận hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MVILLAGE				Có : 156			
Theo hóa đơn số : 348 Ngày : 10/11/25							
Xuất tại kho : CÔNG TY CỔ PHẦN MVILLAGE							
Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ : 348,10/11/2025							
STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	dưa leo	DUALEO	Kg	0.50	19,454	9,727	
2	Chôm Chôm	CHOMCHOM	Kg	2.00	52,528	105,055	
3	ổi	OI	Kg	1.00	23,349	23,349	
4	Quýt Đường	QUYTDUONG	Kg	2.00	39,901	79,801	
5	Chuối Cau	CHUOICAU	Kg	3.00	30,092	90,275	
6	Sả Cây	SACAY	Kg	0.50	15,400	7,700	
7	già	GIA	Kg	0.50	12,970	6,485	
8	Salad Lolo Xanh	SALADLOLOXANH	Kg	1.00	39,906	39,906	
9	Chanh Không Hạt	CHANHKHONGHAT	Kg	0.50	30,970	15,485	
10	húng quế	HUNGQUE	Kg	0.30	78,287	23,486	
11	Dừa Xiêm Gọt Vó	DUAXIEMGOTVO	Trái	5.00	21,956	109,780	
12	Dưa Hấu	DUAHAU	Kg	3.00	17,755	53,266	
Tiền hàng						564,315	

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 10 tháng 11 năm 2025			
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.11. Giao diện phiếu xuất kho theo hóa đơn 00000348

- Sau khi nhập dữ liệu, xuất hóa đơn thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 632

❖ Nghiệp vụ minh họa 5

Ngày 14/11/2025, đại diện Công ty TNHH MTV Quốc Toàn HTP đã đến trực tiếp tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic để tìm hiểu và đặt mua các loại rau củ quả phục vụ cho hoạt động của công ty (Đã trích ở nghiệp vụ minh họa 2 phần Doanh thu bán hàng hóa).

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00000351, ký hiệu 1C25TOR ngày 14/11/2025 đã trình bày ở phần doanh thu bán hàng, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho để ghi nhận giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC
63 Lê Nổ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố
MST : 0402178730

Mẫu số : 02 - TT
 (Ban hành theo TT 200/2014/QĐ-BTC
 Ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 14 tháng 11 năm 2025

Số : 351

Nợ : 632

Có : 156

Người nhận hàng : CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TOÀN HTP

Theo hóa đơn số : 351 Ngày : 14/11/25

Xuất tại kho : CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TOÀN HTP

Lý do xuất : Xuất kho theo HĐ : 351,14/11/2025

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	BÍ ĐÀO	BIDAO	KG	10.00	12.056	120.557	
2	BÍ ĐỎ	BIDO	KG	10.00	14.018	140.177	
3	CÀ CHUA	CACHUA	KG	5.00	26.737	133.687	
4	CÀ RỐT	CAROT	KG	5.00	15.569	77.844	
5	ĐẬU COVE	DAUCOVE	KG	7.00	33.462	234.236	
6	DƯA LEO	DUALEO	KG	10.00	19.454	194.540	
7	HÀNH LÁ	HANHLA	KG	2.00	35.758	71.515	
8	KHỔ QUA	KHOQUA	KG	7.00	33.378	233.643	
9	RAU MÁ	RAUMA	KG	7.00	53.598	375.184	
10	SU HẠO	SUHAO	KG	10.00	21.956	219.560	
11	SU TRẮNG	SUTRANG	KG	10.00	13.723	137.225	
12	THƠM	THOM	QUẢ	3.00	20.044	60.131	
13	MÔNG TƠI	MONGTOI	KG	7.00	31.480	220.358	
Tiền hàng						2,218,657	

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 14 tháng 11 năm 2025

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hình 2.12. Giao diện phiếu xuất kho theo hóa đơn 00000351

- Sau khi nhập dữ liệu, xuất hóa đơn thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 632
- Để xem sổ Nhật Ký Chung kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Nhật Ký Chung” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Nhật Ký Chung sẽ hiện ra (xem ở trang 73)
- Để xem sổ Cái TK 632 kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Cái” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Cái TK 632 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI**Mã hiệu :632 - Giá vốn hàng bán**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...	...	...	...	...
02/11/25	PXK.329	02/11/25	Xuất kho theo HD : 329,02/11/2025	156	7,254,920	
06/11/25	PXK.331	06/11/25	Xuất kho theo HD : 331,06/11/2025	156	15,995,486	
06/11/25	PXK.332	06/11/25	Xuất kho theo HD : 332,06/11/2025	156	16,293,828	
07/11/25	PXK.334	07/11/25	Xuất kho theo HD : 334,07/11/2025	156	19,860,300	
08/11/25	PXK.336	08/11/25	Xuất kho theo HD : 336,08/11/2025	156	20,680,916	
09/11/25	PXK.341	09/11/25	Xuất kho theo HD : 341,09/11/2025	156	2,304,079	
09/11/25	PXK.338	09/11/25	Xuất kho theo HD : 338,09/11/2025	156	41,056,271	
10/11/25	PXK.349	10/11/25	Xuất kho theo HD : 349,10/11/2025	156	3,821,562	
10/11/25	PXK.348	10/11/25	Xuất kho theo HD : 348,10/11/2025	156	564,315	
10/11/25	PXK.346	10/11/25	Xuất kho theo HD : 346,10/11/2025	156	2,835,721	
14/11/25	PXK.350	14/11/25	Xuất kho theo HD : 350,14/11/2025	156	9,714,000	
14/11/25	PXK.351	14/11/25	Xuất kho theo HD : 351,14/11/2025	156	2,218,657	
14/11/25	PXK.352	14/11/25	Xuất kho theo HD : 352,14/11/2025	156	16,167,181	
15/11/25	PXK.353	15/11/25	Xuất kho theo HD : 353,15/11/2025	156	24,694,636	
17/11/25	PXK.354	17/11/25	Xuất kho theo HD : 354,17/11/2025	156	14,974,150	
18/11/25	PXK.364	18/11/25	Xuất kho theo HD : 364,18/11/2025	156	557,686	
19/11/25	PXK.380	19/11/25	Xuất kho theo HD : 380,19/11/2025	156	178,035	
20/11/25	PXK.381	20/11/25	Xuất kho theo HD : 381,20/11/2025	156	20,962,433	
21/11/25	PXK.382	21/11/25	Xuất kho theo HD : 382,21/11/2025	156	71,176,215	
28/11/25	PXK.389	28/11/25	Xuất kho theo HD : 389,28/11/2025	156	40,176,738	
29/11/25	PXK.390	29/11/25	Xuất kho theo HD : 390,29/11/2025	156	920,963	
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911		773,092,598
...	...	...	...	...	...	...
			CỘNG PHÁT SINH		7,499,053,908	7,499,053,908
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		7,499,053,908	7,499,053,908

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Lê Thị Thảo

Kế toán nội bộ

Lê Thị Thảo

Giám đốc

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH**b. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic**

(Trong năm tài chính 2025 Công ty không có phát sinh các khoản chi phí tài chính nên em không trình bày về nội dung này)

c. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

(Trong năm tài chính 2025 Công ty không có phát sinh các khoản chi phí bán hàng nên em không trình bày về nội dung này)

d. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic**d.1. Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic phản ánh: Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí mua đồ dùng văn phòng dùng cho bộ phận quản lý; Các chi phí liên quan tới thuế, phí và lệ phí; Chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước,..

d.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic sử dụng TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu Chi
- Giấy Báo Nợ
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Các chứng từ khác có liên quan,..

❖ Sổ sách kế toán

- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ Cái Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Sổ Chi tiết các TK 642

d.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế

❖ Nghiệp vụ minh họa 6

Ngày 5/4/2024, Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng mua một Máy Điều Hòa Không Khí Daikin nhằm phục vụ cho bộ phận quản lý. Số tiền chưa thuế là 8.254.545 đồng, thuế GTGT 10%, thời gian phân bổ là 24 tháng. Năm 2025 thì máy điều hòa này vẫn còn đang khấu hao.

- Cuối mỗi tháng, kế toán sẽ tiến hành thực hiện phân bổ chi phí trả trước trên phần mềm: Tại trang chính phần mềm, kế toán chọn Tài sản cố định -> Chọn Chi phí chờ phân bổ -> Chọn Xử lý chi phí chờ phân bổ -> Phần mềm sẽ hạch toán Chi phí phân bổ.
- Dưới đây là bảng trích chi phí chờ phân bổ:

BẢNG TRÍCH CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ													
Năm 2025													
Mã TS	Tên tài sản	Đối tượng sử dụng	TK TS	TK CP	TK HM	Nguyên giá		Ngày mua	Thời gian	Khấu hao cả năm	Lũy kế khấu hao	Giá trị còn lại	
						Đầu năm	Cuối năm					Đầu năm	Cuối năm
MAY	Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKE25YVMV		242	6423	242	8.254.545	8.254.545	05/04/24	24	4.127.268	7.222.719	5.159.094	1.031.826
THUE	Thuê văn phòng T1-T6.2025		242	6428	242	0	36.000.000	01/01/25	6	36.000.000	36.000.000	0	0
THUE	Thuê văn phòng T7-T12.2024		242	6428	242	0	36.000.000	01/07/24	6	0	36.000.000	0	0
THUE	Thuê văn phòng T7-T12.2025		242	6428	242	0	36.000.000	01/07/25	6	36.000.000	36.000.000	0	0
THUE	Thuê xe nam 2024-2025		242	6427	242	84.000.000	84.000.000	01/06/24	12	35.000.000	84.000.000	35.000.000	0
THUE	Thuê xe nam 2025-2026		242	6427	242	0	84.000.000	01/06/25	12	49.000.000	49.000.000	0	35.000.000
Tổng cộng						92.254.545	284.254.545			160.127.268	248.222.719	40.159.094	36.031.826
				6423						4.127.268			
				6427						84.000.000			
				6428						72.000.000			
				242		92.254.545	284.254.545			160.127.268	248.222.719	40.159.094	36.031.826

Người lập Kế toán nội bộ Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Lê Thị Thảo Lê Thị Thảo Giám đốc
VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

Hình 2.13. Bảng trích chi phí chờ phân bổ Máy điều hòa

- Để xem Sổ Chi tiết TK 6423 kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán ” -> “Sổ Chi Tiết Tài Khoản” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản chi tiết 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Chi Tiết TK 6423 sẽ hiện ra.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu :6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...			...	...
31/08/25	CPCPB.001/8	31/08/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKE25YVMV Tháng 8	242	343,939	
31/08/25	KC.05	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		343,939
30/09/25	CPCPB.001/9	30/09/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKE25YVMV Tháng 9	242	343,939	
30/09/25	KC.05	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		343,939
31/10/25	CPCPB.001/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKE25YVMV Tháng 10	242	343,939	
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		343,939
30/11/25	CPCPB.001/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKE25YVMV Tháng 11	242	343,939	
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		343,939
31/12/25	CPCPB.001/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKE25YVMV Tháng 12	242	343,939	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		343,939
			CỘNG PHÁT SINH		4,127,268	4,127,268
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		4,127,268	4,127,268

Người lập Kế toán nội bộ Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Lê Thị Thảo Lê Thị Thảo Giám đốc
VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

- Trong Bảng trích chi phí chờ phân bổ có hạch toán chi phí thuê văn phòng vào tài khoản 6428, để xem Sổ Chi tiết TK 6428 kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán ” -> “Sổ Chi Tiết Tài Khoản” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản chi tiết 6428 - Chi phí bằng tiền khác -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Chi Tiết TK 6428 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu :6428 - Chi phí bằng tiền khác

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...	...	...	...	...
31/07/25	CPCPB.002/7	31/07/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 7	242	6,000,000	
31/07/25	KC.07	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		6,000,000
31/08/25	CPCPB.002/8	31/08/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 8	242	6,000,000	
31/08/25	KC.07	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		6,000,000
30/09/25	CPCPB.002/9	30/09/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 9	242	6,000,000	
30/09/25	KC.07	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		6,000,000
31/10/25	CPCPB.002/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 10	242	6,000,000	
31/10/25	KC.07	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		6,000,000
30/11/25	CPCPB.002/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 11	242	6,000,000	
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		6,000,000
15/12/25	PC.204723	15/12/25	Chi hỗ trợ đồng phục	1111	6,000,000	
31/12/25	CPCPB.002/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 12	242	6,000,000	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		12,000,000
			CỘNG PHÁT SINH		78,000,000	78,000,000
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		78,000,000	78,000,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Lê Thị Thảo

Kế toán nội bộ

Lê Thị Thảo

Giám đốc

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

❖ Nghiệp vụ minh họa 7

Ngày 01/01/2025, Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic cần phải nộp lệ phí môn bài cho năm 2025 với số tiền 2.000.000 đồng.

- Kế toán tiến hành xác định và hạch toán nghĩa vụ lệ phí môn bài phải nộp. Dưới đây là giao diện hạch toán lệ phí môn bài trên phần mềm.

The screenshot shows the 'Hạch toán lệ phí môn bài' (Accounting for business license fee) form in the Smart Pro software. The form is divided into several sections: 'Thông tin chính' (Main information) with fields for account type, serial number, and amount; 'Thông tin khác' (Other information) with fields for date, description, and amount; a table of transactions; and a summary section at the bottom with fields for interest, tax, and total amount.

Hình 2.14. Giao diện hạch toán lệ phí môn bài trên phần mềm Smart Pro

- Sau khi hạch toán, phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật Ký Chung và Sổ Chi Tiết tài khoản 6425.
- Để xem Sổ Chi tiết TK 6425 kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Chi Tiết Tài Khoản” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản chi tiết 6425 - Thuế, phí và lệ phí -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Chi Tiết TK 6425 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC
63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 6425 - Thuế, phí và lệ phí
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
01/01/25	PKT.001	01/01/25	Hạch toán lệ phí môn bài 2025	3339	2,000,000	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6425	911		2,000,000
			CỘNG PHÁT SINH		2,000,000	2,000,000
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		2,000,000	2,000,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập: **Lê Thị Thảo** Kế toán nội bộ: **Lê Thị Thảo** Giám đốc: **VƯƠNG ĐÌNH THỊNH**

❖ **Nghiệp vụ minh họa 8**

Ngày 24/11/2025, Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic đã chi tiền dịch vụ ăn uống theo Hóa đơn GTGT số 719. Số tiền chưa bao gồm VAT là 1.177.778 đồng, thuế GTGT 8%.



**HOÁ ĐƠN ĐIỆN TỬ GIÁ TRỊ
GIA TĂNG**

Ngày 24 tháng 11 năm 2025
MCCQT: M1-25-EDNXR-00100000719

Mẫu số: 1
Ký hiệu: **C25MBF**
Số: **719**

Tên người bán: **CÔNG TY TNHH BARBECUE FACTORY VIỆT NAM**
Mã số thuế: **0402265197**
Địa chỉ: **Số 184 đường Thăng Long, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Điện thoại: **0978502897**

Tên người mua: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC**
Mã số thuế: **0402178730**
Địa chỉ: **06 Lê Sát, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: **CK**
Số bảng kê:

Đơn vị tiền tệ:
Ngày bảng kê:

STT	Tích chất	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SLG	Đơn giá	Thành tiền
1	HHDV	Set A1	Món	1	351,851.8518	351,852
2	HHDV	Dê sườn Beef chops 갈비살	Món	1	175,925.9259	175,926
3	HHDV	Cơm chiên / Fried rice / 볶음밥	Món	1	74,074.0741	74,074
4	HHDV	Ba chỉ heo/ Pork Belly/ 삼겹살 160gr	Món	1	148,148.1481	148,148
5	HHDV	Thăn bò/ Beef tenderloin/ 등심 160gr	Món	1	248,148.1481	248,148
6	HHDV	Miến trộn잡채 Stir fried glass noodles	Món	1	101,851.8519	101,852
7	HHDV	Xích xích đũa/ Sausage/ 소시지	Món	1	50,000	50,000
8	HHDV	Cơm Trắng	Bát	3	9,259.2593	27,778

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tiền thuế
8%	1,177,778	94,222

Tổng tiền chưa thuế	1,177,778
Tổng tiền thuế	94,222
Tổng tiền phí	
Tổng tiền CKTM	
Tổng tiền thanh toán	1,272,000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn	

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử; chữ ký số)

Hình 2.15. Hóa đơn GTGT số 719 ngày 24/11/2025

- Kế toán tiến hành hạch toán vào phần mềm như sau:

The screenshot displays the 'Thông tin chính' (Main Information) section of the Smart Pro software. It contains various input fields for bill details, including 'Loại C.từ' (Bill Type) set to PC, 'Seri HD' (Serial Number) 1C25MBF, 'TK Nợ' (Debit Account) 6427, and 'Ngày HD' (Bill Date) 24/11/25. Below this is a table with columns: TT, Seri HD, Số HD, Ngày HD, Diễn giải, TK Nợ, ĐTPN Nợ, TK Có, ĐTPN Có, Thành tiền VND, % TS, Tiền thuế VND, Tên khách hàng, and Mã số thuế. The table contains one entry with a total amount of 1,177,778 VND. At the bottom, there are summary fields for 'Thành tiền usd', 'Thuế usd', 'Tổng TT usd', and their VND equivalents, along with a toolbar with icons for file operations and calculations.

Hình 2.16. Giao diện hạch toán chi tiền dịch vụ ăn uống trên phần mềm Smart Pro

The screenshot shows a receipt form from 'CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC'. The receipt is dated 'Ngày 24 Tháng 11 Năm 2025' and is issued to 'CÔNG TY TNHH BARBECUE FACTORY VIỆT NAM'. It details a bill for food and drink services with a total amount of 1,272,000 VND. The form includes fields for the company name, address, and contact information, as well as a section for signatures and stamps. The receipt is signed by 'Giám đốc' (WUONG ĐÌNH THỊNH), 'Kế toán trưởng' (Lê Thị Thảo), 'Thủ quỹ' (Trần Thị Lý Hà), and 'Người lập' (Lê Thị Thảo). The receipt is also stamped with 'Ngày 24 Tháng 11 Năm 2025'.

Hình 2.17. Phiếu chi tiền dịch vụ ăn uống theo HD 719

- Để xem Sổ Chi tiết TK 6427 kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán” -> “Sổ Chi Tiết Tài Khoản” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản chi tiết 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Chi Tiết TK 6427 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu :6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...		...	...	...
22/10/25	PC.842236	22/10/25	Chi phí xăng xe	1111	953,757	
27/10/25	PC.68	27/10/25	Chi ăn uống tiếp khách	1111	4,946,088	
31/10/25	CPCPB.003/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Thuê xe nam 2025-2026 Tháng 10	242	7,000,000	
31/10/25	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		15,802,437
06/11/25	PC.883572	06/11/25	Chi phí xăng xe	1111	1,018,551	
20/11/25	PC.673	20/11/25	Chi ăn uống tiếp khách	1111	1,665,657	
21/11/25	PC.682	21/11/25	Chi ăn uống tiếp khách	1111	2,079,630	
22/11/25	PC.928644	22/11/25	Chi phí xăng xe	1111	1,051,136	
24/11/25	PC.719	24/11/25	Chi ăn uống tiếp khách	1111	1,177,778	
30/11/25	CPCPB.003/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Thuê xe nam 2025-2026 Tháng 11	242	7,000,000	
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		13,158,712
05/12/25	PC.968829	05/12/25	Chi phí xăng dầu	1111	1,018,631	
16/12/25	PC.1004389	16/12/25	Chi phí xăng dầu	1111	1,019,232	
19/12/25	PC.892	19/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	761,010	
20/12/25	PC.900	20/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	948,148	
23/12/25	PC.948	23/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	1,340,741	
24/12/25	PC.1029600	24/12/25	Chi phí xăng xe	1111	936,017	
25/12/25	PC.977	25/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	1,054,630	
25/12/25	PC.108	25/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	3,992,000	
30/12/25	PC.111	30/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	4,500,980	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		22,571,389
			CỘNG PHÁT SINH		187,495,523	187,495,523
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		187,495,523	187,495,523

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
Lê Thị Thảo

Kế toán nội bộ
Lê Thị Thảo

Giám đốc
VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

- Để xem Sổ Cái TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán ” -> “Sổ Cái” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Cái TK 642 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI**Mã hiệu :642 - Chi phí quản lý kinh doanh**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
01/01/25	PKT.001	01/01/25	Hạch toán lệ phí môn bài 2025	3339	2,000,000	
13/01/25	PC.32021	13/01/25	Chi phí xăng xe	1111	909,091	
14/01/25	PC.133	14/01/25	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe	1111	1,065,500	
14/01/25	PC.134	14/01/25	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe	1111	215,000	
21/01/25	PC.55549	21/01/25	Chi phí xăng xe	1111	454,545	
27/01/25	PC.72272	27/01/25	Chi phí xăng xe	1111	909,136	
31/01/25	CPCPB.001/1	31/01/25	H a c h t o á n C P C P B : M á y Đ H K K Daikin ATKF25YVMV/ARKF25YVMV Tháng 1	242	343,939	
31/01/25	CPCPB.002/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T1-T6.2025 Tháng 1	242	6,000,000	
31/01/25	CPCPB.003/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Thuê xe nam 2024-2025 Tháng 1	242	7,000,000	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		23,827,500
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		343,939
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6425	911		2,000,000
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		10,653,272
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		6,000,000
...	...	...	...	...	...	...
06/11/25	PC.883572	06/11/25	Chi phí xăng xe	1111	1,018,551	
20/11/25	PC.673	20/11/25	Chi ăn uống tiếp khách	1111	1,665,657	
21/11/25	PC.682	21/11/25	Chi ăn uống tiếp khách	1111	2,079,630	
21/11/25	PC.963984	21/11/25	Mua đồ dùng văn phòng	1111	184,511	
22/11/25	PC.928644	22/11/25	Chi phí xăng xe	1111	1,051,136	
24/11/25	PC.719	24/11/25	Chi ăn uống tiếp khách	1111	1,177,778	
30/11/25	CPCPB.001/1	30/11/25	H a c h t o á n C P C P B : M á y Đ H K K Daikin ATKF25YVMV/ARKF25YVMV Tháng 11	242	343,939	
30/11/25	CPCPB.002/1	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 11	242	6,000,000	
30/11/25	CPCPB.003/1	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Thuê xe nam 2025-2026 Tháng 11	242	7,000,000	
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911		23,827,500
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	911		343,939
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	911		13,158,712
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	911		6,000,000
...	...	...	...	...	...	...
25/12/25	PC.977	25/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	1,054,630	
25/12/25	PC.108	25/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	3,992,000	
30/12/25	PC.111	30/12/25	Chi phí ăn uống tiếp khách	1111	4,500,980	
31/12/25	CPCPB.001/1	31/12/25	H a c h t o á n C P C P B : M á y Đ H K K Daikin ATKF25YVMV/ARKF25YVMV Tháng 12	242	343,939	
31/12/25	CPCPB.002/1	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng T7-T12.2025 Tháng 12	242	6,000,000	
31/12/25	CPCPB.003/1	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê xe nam 2025-2026 Tháng 12	242	7,000,000	
			CỘNG PHÁT SINH		574,803,945	574,803,945
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		574,803,945	574,803,945

Người lập
Lê Thị ThảoKế toán nội bộ
Lê Thị Thảo

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

e. *Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic*

e.1. *Nội dung chi phí khác*

- Chi phí khác của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic trong năm 2025 chủ yếu phát sinh từ tiền chậm nộp.

e.2. *Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán*

❖ **Tài khoản sử dụng**

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic sử dụng TK 811 - Chi phí khác.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu Chi
- Giấy Báo Nợ
- Các chứng từ khác có liên quan,...

❖ **Sổ sách kế toán**

- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ Cái Tài khoản 811 - Chi phí khác

e.3. *Minh họa nghiệp vụ kinh tế*

❖ **Nghiệp vụ minh họa 9**

Ngày 1/1/2025, Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic nhận được thông báo từ Cơ quan thuế về việc bị phạt chậm nộp các khoản phí, lệ phí. Số tiền phạt chậm nộp được xác định là 61.800 đồng.



SỐ PHỤ CHI TIẾT KIỂM BẢO NỢ/BẢO CÓ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Account Statement/Debit/Credit transaction

Military Commercial Joint Stock Bank

Từ ngày/From: 01/01/2025 Đến ngày/To: 31/05/2025

Chi nhánh/Branch: VN0010304 - Bạc Đa

Tên khách hàng/Customer name: CONG TY TNHH THUC PHAM THINH HUNG ORGANIC

Tài khoản/Account No:

Mã khách hàng/Customer code: 0402178730

Mã số thuế/Tax code:

Địa chỉ/Address: 63 LE NO-PHUONG HOA CUONG NAM-QUAN HAI CHAU-THANH PHO DA NANG-VIET NAM

Loại tiền/Currency: VND

Chúng tôi xin thông báo chi tiết phát sinh nợ/có trên tài khoản quý khách trong thời gian trên như sau:

Số dư đầu kỳ/ Opening Balance: 83,196,128.00 VND

Ngày giao dịch Transaction Date	Ngày hạch toán Accounting Date	Số bút toán Transaction No	Phát sinh nợ Debit	Phát sinh có Credit	Nội dung Details	Đơn vị thụ hưởng/Đơn vị chuyển Beneficiary/Applicant	Tài khoản Account	Ngân hàng đối tác Remit
...	...	...	...	...	...	...	...	...
13/01/2025 20:17:17	13/01/2025 25	FT25013 07500730	22,000,000.00	0.00	tt cong no mua hang theo hoa don - Ma giao dich/ Trace 679118	TRUONG KIM HOANG	-	BIDV
16/01/2025 23:33:46	17/01/2025 25	FT25017 25153685	0.00	10,919,800.00	TCB Batch-1409369 MV TT SCM MTX HD20 2. -THINH HUNG	CONG TY CO PHAN	19036418701019	TCB
17/01/2025 14:00:04	17/01/2025 25	FT25017 47275802	2,000,000.00	0.00	TGUI:TNHAN:	Chi cuc thue Quan Hai Chau	7111	VIET INBA
17/01/2025 14:24:22	17/01/2025 25	FT25017 39194348	61,800.00	0.00	TGUI:TNHAN:	Chi cuc thue Quan Hai Chau	7111	VIET INBA
17/01/2025 19:12:10	17/01/2025 25	FT25017 99097105	4,374,855.00	0.00	nop bao hiem - Ma giao dich/ Trace 585758	BAO HIEM XA HOI QUAN HAI	-	VIET IN
18/01/2025 19:17:31	20/01/2025 25	FT25020 04690111	2,000,000.00	0.00	rut tien mua hang - Ma giao dich/ Trace 971566	VUONG DINH THINH	-7363798686	TCB

Hình 2.18. Sao kê ngân hàng

Không ghi
vào khu vực
này

**GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC**

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
 Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....
 (Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS
 (ban hành kèm theo Thông tư
 số 84/2016/TT-BTC
 của Bộ Tài Chính)
 Mã hiệu:
 Số: 0153322

Số tham chiếu:
 11220250291220825

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HÙNG ORGANIC Mã số thuế: 0402178730
 Địa chỉ: 06 Lê Sát, Phường Hoà Cường Nam
 Quận/Huyện: Quận Hải Châu Tỉnh, TP: Đà Nẵng
 Người nộp thay: Mã số thuế:
 Địa chỉ: Tỉnh, TP:
 Quận/Huyện: trích TK số: 9555678678
 Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Quân đội
 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
 Nộp vào cho NSNN ☒ TK tạm thu ☐ Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
 Vào tài Khoản của KBNN: VP KBNN Đà Nẵng
 Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
 Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
 Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
 Tại cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế Quận Hải Châu Mã CQ thu: 1054253

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1	7700339550420001	00/CN/2024	Tiền chậm nộp các khoản khác điều tiết 100% ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý ;		61.800	755	4944
Tổng tiền					61.800		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu mươi một nghìn tám trăm đồng

Hình 2.19. Giấy nộp tiền cho Cơ quan thuế

- Kế toán tiến hành hạch toán vào phần mềm như sau:

Thông tin chính Thông tin khác

Loại C.từ: PKT Seri HD: TK Nợ: 811 ĐTPN Nợ: ĐTPN Có: Hợp đồng: Công trình: N giao dịch: Mã số thuế: Khách hàng: Ngày C.từ: 01/01/25 Ngày HD: 01/01/25 Mã YTCP Nợ: Hạch toán tiền chậm nộp

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tên khách hàng	Mã số thuế
1			01/01/25	Hạch toán tiền chậm nộp	811		3339		61,800		0		

1 61,800 0

Thành tiền usd: 0.00 Thuế usd: 0.00 Tổng TT usd: 0.00 Chiết khấu 1: 0 Chiết khấu 2: 0 T. tiền sau ck: 61,800 Thành tiền Vnd: 61,800 Thuế Vnd: 0 Tổng TT Vnd: 61,800

F12 Lưu Excel F5 Chiết khấu F7 Thêm F8 Xóa F6 Đến cột Ctrl + P View Ctrl + I In luôn khác List All

Hình 2.20. Giao diện hạch toán tiền chậm nộp trên phần mềm Smart Pro

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

Địa chỉ : 63 Lê Nổ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Số : 2

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 1 tháng 1 năm 2025

Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	811		3339		Hạch toán tiền chậm nộp	61,800
Tổng cộng						61,800

Ngày 1 tháng 1 năm 2025

Người lập

Kế toán nội bộ

Lê Thị Thảo

Lê Thị Thảo

Hình 2.21. Phiếu Kế Toán 2

- Sau khi hạch toán vào phần mềm thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 811.
- Để xem Sổ Cái TK 811 - Chi phí khác, kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán ” -> “Sổ Cái” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản 811 - Chi phí khác -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Cái TK 811 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI**Mã hiệu :811 - Chi phí khác**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
01/01/25	PKT.2	01/01/25	Hạch toán tiền chậm nộp	3339	61,800	
31/01/25	KC.09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911		61,800
31/10/25	PKT.007	31/10/25	Hạch toán lại BHXH	3388	84,802	
31/10/25	KC.08	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	911		84,802
			CỘNG PHÁT SINH		146,602	146,602
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		146,602	146,602

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán nội bộ

Giám đốc

Lê Thị Thảo**Lê Thị Thảo****VƯƠNG ĐÌNH THỊNH**

f. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

f.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm 2025 và thuế suất thuế thu nhập hiện hành làm căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm 2025.

f.2. Tài khoản, chứng từ sử dụng và sổ sách kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

- Để phản ánh chính xác chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic sử dụng TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Sổ sách kế toán**

- Sổ Nhật Ký Chung
- Sổ Cái Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

f.3. Minh họa nghiệp vụ kinh tế

- Kế toán thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm 2025 bằng cách lập Tờ khai Quyết toán Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp. Sau đó tiến hành nộp tờ khai trên hệ thống <https://dichvucong.gdt.gov.vn/tthc>.

➤ Tờ khai Quyết toán Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số:
03/TNDN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số
50/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HUNG ORGANIC
[07] Mã số thuế: 0402178730

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày: _____
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	212.262.737
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	146.602
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	146.602
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	212.409.339
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	212.409.339
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	212.409.339
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0

	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ ($C3=C3a+C3b$)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TN TT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	212.409.339
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TN TT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	212.409.339
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	212.409.339
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 17\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	36.109.588
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	36.109.588
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TN TT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	36.109.588
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	36.109.588
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiền độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0

3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiền độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	36.109.588
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiền độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	36.109.588
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	36.109.588
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu (nếu có)

- Đi kèm với Tờ khai Quyết toán Thuế TNDN là Phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

[03] Mã số thuế: 0402178730

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	8.286.231.409
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	35.783
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	35.783
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	8.073.857.853
a	Giá vốn hàng bán	[13]	7.499.053.908
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	574.803.945
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	212.409.339
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	146.602
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(146.602)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	212.262.737

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC
 Ngày ký: 30/03/2026 17:25:40.

- Kế toán vào phần mềm để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trên giao diện phần mềm Smart Pro, chọn “**Nhập phát sinh**” -> Chọn loại chứng từ “**Phiếu Kế Toán**”, sau đó nhập các thông tin **số chứng từ, nội dung nghiệp vụ, số tiền,..**-> Nhấn “**Lưu**” để hoàn tất quá trình hạch toán.

Hình 2.22. Giao diện hạch toán thuế TNDN phải nộp năm 2025

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC						
Địa chỉ :63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						
Mã số thuế : 0402178730						
						Số : 007
PHIẾU KẾ TOÁN						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Số TT	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Diễn Giải	Thành Tiền
1	8211		3334		Hạch toán thuế TNDN 2025	36,109,588
Tổng cộng						36,109,588
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
				Người lập		
				Kế toán nội bộ		
				Lê Thị Thảo		

Hình 2.23. Phiếu Kế Toán 007

- Sau khi hạch toán vào phần mềm thì phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 821
- Để xem Sổ Cái TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán ” -> “Sổ Cái” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Cái TK 821 sẽ hiện ra.

SỔ CÁI
Mã hiệu :821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/12/25	PKT.007	31/12/25	Hạch toán thuế TNDN 2025	3334	36,109,588	
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211	911		36,109,588
			CỘNG PHÁT SINH		36,109,588	36,109,588
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		36,109,588	36,109,588

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán nội bộ

Giám đốc

Lê Thị Thảo

Lê Thị Thảo

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

a. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Cuối kỳ, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

b. Chứng từ và sổ sách kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kết chuyển

- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách kế toán

- Sổ Nhật Ký Chung

- Sổ Cái TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

c. Minh họa nghiệp vụ kinh tế

- Kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm Smart Pro, sau khi kết chuyển phần mềm sẽ tự động lên Sổ Nhật Ký Chung và Sổ Cái TK 911.

- Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí trên phần mềm như sau:
 - + Bước 1: Đăng nhập vào giao diện chính của Phần mềm Smart Pro
 - + Bước 2: Chọn **“Xử lý cuối tháng”** -> Chọn **“Kết chuyển số dư tài khoản - Tự động”**. Chọn kỳ kết chuyển 01/01/2025- 31/12/2025.
 - + Bước 3: Nhấn **ok**, phần mềm sẽ tự động kết chuyển doanh thu, chi phí.
- Sau khi kết chuyển lãi lỗ, nếu TK 4212 - “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” bên Nợ thì công ty đang kinh doanh lỗ, nếu TK 4212 bên Có thì công ty kinh doanh đang lãi. Sau khi kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh thì trong năm 2025, Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic có số dư bên Có nên trong năm 2025 công ty kinh doanh lãi.
- Để xem Sổ Cái TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện thao tác: Vào “Sổ Kế Toán ” -> “Sổ Cái” -> chọn kỳ báo cáo thích hợp -> Tích chọn vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh -> chọn “Đồng ý”. Khi đó Sổ Cái TK 911 sẽ hiện ra.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI**Mã hiệu :911 - Xác định kết quả kinh doanh**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		179,526,200
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		724
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	160,574,396	
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	23,827,500	
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	343,939	
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6425	6425	2,000,000	
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	10,653,272	
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	6428	6,000,000	
31/01/25	KC.09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811	811	61,800	
31/01/25	KC.10	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		23,933,983
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.01	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		629,002,990
30/06/25	KC.02	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		1,371
30/06/25	KC.03	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	569,081,142	
30/06/25	KC.04	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	23,827,500	
30/06/25	KC.05	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	343,939	
30/06/25	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	11,411,529	
30/06/25	KC.07	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	6428	6,000,000	
30/06/25	KC.08	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	18,340,251	
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.01	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		876,464,340
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		12,287
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	773,092,598	
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	23,827,500	
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	343,939	
30/11/25	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	13,158,712	
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	6428	6,000,000	
30/11/25	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	60,053,878	
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	5111		1,163,486,640
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	515		8,799
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	632	1,066,386,007	
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	6422	41,078,654	
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423	6423	343,939	
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427	6427	22,571,389	
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428	6428	12,000,000	
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211	8211	36,109,588	
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		14,994,138
			CỘNG PHÁT SINH		8,338,349,888	8,338,349,888
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		8,338,349,888	8,338,349,888

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập
Lê Thị ThảoKế toán nội bộ
Lê Thị ThảoGiám đốc
VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

➤ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02 – DN**
(Ban hành theo
Thông tư số
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

[03] Mã số thuế: 0402178730

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.286.231.409	2.785.292.672
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.286.231.409	2.785.292.672
4. Giá vốn hàng bán	11		7.499.053.908	2.558.626.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		787.177.501	226.665.853
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		35.783	8.505
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	185.315.632
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		574.803.945	49.799.304
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		212.409.339	(8.440.578)
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		146.602	649.769
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(146.602)	(649.769)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		212.262.737	(9.090.347)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		36.109.588	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		176.153.149	(9.090.347)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Lê Thị Thảo

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Thị Thảo

Lập, ngày 31 tháng 12 năm
2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC
Ngày ký: 30/03/2026 17:26:18.

➤ Trích Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số: S03A-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
1/1/2025	PKT.001	01/01/25	Hạch toán lệ phí môn bài 2025		2,000,000	2,000,000
			Thuế, phí và lệ phí	6425	2,000,000	
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3339		2,000,000
1/1/2025	PKT.2	01/01/25	Hạch toán tiền chậm nộp		61,800	61,800
			Chi phí khác	811	61,800	
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3339		61,800
1/2/2025	PNKNL.001	02/01/25	MUA HÀNG HOA NHẬP KHO(BK)		11,500,000	11,500,000
			Hàng hóa	156	11,500,000	
			Tiền Việt Nam	1111		11,500,000
1/3/2025	CTNH.	03/01/25	Chuyen tam ung		77,000,000	77,000,000
			Tạm ứng	141	77,000,000	
			Tiền Việt Nam	1121		77,000,000
1/31/2025	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6425		2,000,000	2,000,000
			Xác định kết quả kinh doanh	911	2,000,000	
			Thuế, phí và lệ phí	6425		2,000,000
1/31/2025	KC.09	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		61,800	61,800
			Xác định kết quả kinh doanh	911	61,800	
			Chi phí khác	811		61,800
10/17/2025	PNK.421	17/10/25	Mua hàng nhập kho		25,768,659	25,768,659
			Hàng hóa	156	25,768,659	
			Phải trả cho người bán	331		25,768,659
10/17/2025	PXK.300	17/10/25	Xuất kho theo HĐ : 300,17/10/2025		26,540,299	26,540,299
			Giá vốn hàng bán	632	26,540,299	
			Hàng hóa	156		26,540,299
10/17/2025	PXK.301	17/10/25	Xuất kho theo HĐ : 301,17/10/2025		25,766,244	25,766,244
			Giá vốn hàng bán	632	25,766,244	
			Hàng hóa	156		25,766,244
10/18/2025	CTNH.123	18/10/25	Tra lại tiền gửi, so TK: 9555678678-20251018		2,740	2,740
			Tiền Việt Nam	1121	2,740	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		2,740
10/18/2025	PNK.857520	18/10/25	Mua hàng nhập kho		2,031,736	2,031,736
			Hàng hóa	156	1,934,987	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	96,749	
			Tiền Việt Nam	1111		2,031,736
10/31/2025	CPCPB.001/10	31/10/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKF25YVMV Tháng 10		343,939	343,939
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423	343,939	
			Chi phí trả trước	242		343,939
10/31/2025	CTNH.FT25304	31/10/25	thanh toan cong no mua hang		30,263,100	30,263,100
			Phải trả cho người bán	331	30,263,100	
			Tiền Việt Nam	1121		30,263,100
10/31/2025	KC.01	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1,006,687,350	1,006,687,350
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1,006,687,350	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1,006,687,350
10/31/2025	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		2,740	2,740
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	2,740	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		2,740

10/31/2025	KC.03	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		903,589,832	903,589,832
			Xác định kết quả kinh doanh	911	903,589,832	
			Giá vốn hàng bán	632		903,589,832
10/31/2025	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		23,827,500	23,827,500
			Xác định kết quả kinh doanh	911	23,827,500	
			Chi phí vật liệu quản lý	6422		23,827,500
10/31/2025	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423		343,939	343,939
			Xác định kết quả kinh doanh	911	343,939	
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423		343,939
10/31/2025	KC.06	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427		15,802,437	15,802,437
			Xác định kết quả kinh doanh	911	15,802,437	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427		15,802,437
10/31/2025	KC.07	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428		6,000,000	6,000,000
			Xác định kết quả kinh doanh	911	6,000,000	
			Chi phí bằng tiền khác	6428		6,000,000
10/31/2025	KC.08	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		84,802	84,802
			Xác định kết quả kinh doanh	911	84,802	
			Chi phí khác	811		84,802
10/31/2025	KC.09	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		57,041,580	57,041,580
			Xác định kết quả kinh doanh	911	57,041,580	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm	4212		57,041,580
....	...	...		...	...	...
11/1/2025	PNK.1	01/11/25	Mua hàng hóa nhập kho		8,742,400	8,742,400
			Hàng hóa	156	8,742,400	
			Tiền Việt Nam	1111		8,742,400
11/2/2025	HDBR.329	02/11/25	tới		8,622,726	8,622,726
			Phải thu của khách hàng	131	8,622,726	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		8,212,120
			Thuế GTGT đầu ra	33311		410,606
....	...	...		...	...	...
11/10/2025	HDBR.346	10/11/25	Xoài Chín		3,444,525	3,444,525
			Phải thu của khách hàng	131	3,444,525	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		3,280,500
			Thuế GTGT đầu ra	33311		164,025
11/10/2025	HDBR.348	10/11/25	Salad Lolo Xanh		691,425	691,425
			Phải thu của khách hàng	131	691,425	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		658,500
			Thuế GTGT đầu ra	33311		32,925
11/10/2025	HDBR.349	10/11/25	Su trái		4,900,980	4,900,980
			Phải thu của khách hàng	131	4,900,980	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		4,667,600
			Thuế GTGT đầu ra	33311		233,380
11/10/2025	PXK.346	10/11/25	Xuất kho theo HĐ : 346,10/11/2025		2,835,721	2,835,721
			Giá vốn hàng bán	632	2,835,721	
			Hàng hóa	156		2,835,721
11/10/2025	PXK.348	10/11/25	Xuất kho theo HĐ : 348,10/11/2025		564,315	564,315
			Giá vốn hàng bán	632	564,315	
			Hàng hóa	156		564,315
11/10/2025	PXK.349	10/11/25	Xuất kho theo HĐ : 349,10/11/2025		3,821,562	3,821,562
			Giá vốn hàng bán	632	3,821,562	
			Hàng hóa	156		3,821,562
....	...	...		...	...	...
11/14/2025	HDBR.350	14/11/25	Đậu phộng hạt		11,970,000	11,970,000
			Phải thu của khách hàng	131	11,970,000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		11,400,000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		570,000

11/14/2025	HDBR.351	14/11/25	THOM		2,857,050	2,857,050
			Tiền Việt Nam	1111	2,857,050	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		2,721,000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		136,050
11/14/2025	PXK.350	14/11/25	Xuất kho theo HĐ : 350,14/11/2025		9,714,000	9,714,000
			Giá vốn hàng bán	632	9,714,000	
			Hàng hóa	156		9,714,000
11/14/2025	PXK.351	14/11/25	Xuất kho theo HĐ : 351,14/11/2025		2,218,657	2,218,657
			Giá vốn hàng bán	632	2,218,657	
			Hàng hóa	156		2,218,657
11/14/2025	PXK.352	14/11/25	Xuất kho theo HĐ : 352,14/11/2025		16,167,181	16,167,181
			Giá vốn hàng bán	632	16,167,181	
			Hàng hóa	156		16,167,181
----	---	---	----	---	---	---
11/24/2025	PC.719	24/11/25	Chi ăn uống tiếp khách		1,272,000	1,272,000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	1,177,778	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	94,222	
			Tiền Việt Nam	1111		1,272,000
----	---	---	----	---	---	---
11/30/2025	CPCPB.001/11	30/11/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKF25YVMV Tháng 11		343,939	343,939
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423	343,939	
			Chi phí trả trước	242		343,939
11/30/2025	KC.01	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		876,464,340	876,464,340
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	876,464,340	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		876,464,340
11/30/2025	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		12,287	12,287
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	12,287	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		12,287
11/30/2025	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		773,092,598	773,092,598
			Xác định kết quả kinh doanh	911	773,092,598	
			Giá vốn hàng bán	632		773,092,598
11/30/2025	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		23,827,500	23,827,500
			Xác định kết quả kinh doanh	911	23,827,500	
			Chi phí vật liệu quản lý	6422		23,827,500
11/30/2025	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423		343,939	343,939
			Xác định kết quả kinh doanh	911	343,939	
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423		343,939
11/30/2025	KC.06	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427		13,158,712	13,158,712
			Xác định kết quả kinh doanh	911	13,158,712	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427		13,158,712
11/30/2025	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428		6,000,000	6,000,000
			Xác định kết quả kinh doanh	911	6,000,000	
			Chi phí bằng tiền khác	6428		6,000,000
11/30/2025	KC.08	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		60,053,878	60,053,878
			Xác định kết quả kinh doanh	911	60,053,878	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm	4212		60,053,878
12/1/2025	CTNH.FT25335	01/12/25	thanh toan mua hang - Ma giao dich/ Trace 023548		210,000,000	210,000,000
			Phải trả cho người bán	331	210,000,000	
			Tiền Việt Nam	1121		210,000,000
----	---	---	----	---	---	---
12/30/2025	PXK.456	30/12/25	Xuất kho theo HĐ : 456,30/12/2025		4,695,311	4,695,311
			Giá vốn hàng bán	632	4,695,311	
			Hàng hóa	156		4,695,311

12/30/2025	PXK.457	30/12/25	Xuất kho theo HĐ : 457,30/12/2025		3,829,969	3,829,969
			Giá vốn hàng bán	632	3,829,969	
			Hàng hóa	156		3,829,969
12/31/2025	CPCPB.001/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Máy ĐHKK Daikin ATKF25YVMV/ARKF25YVMV Tháng 12		343,939	343,939
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423	343,939	
			Chi phí trả trước	242		343,939
12/31/2025	PKT.007	31/12/25	Hạch toán thuế TNDN 2025		36,109,588	36,109,588
				8211	36,109,588	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		36,109,588
12/31/2025	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		1,163,486,640	1,163,486,640
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1,163,486,640	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1,163,486,640
12/31/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		8,799	8,799
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	8,799	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		8,799
12/31/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		1,066,386,007	1,066,386,007
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1,066,386,007	
			Giá vốn hàng bán	632		1,066,386,007
12/31/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		41,078,654	41,078,654
			Xác định kết quả kinh doanh	911	41,078,654	
			Chi phí vật liệu quản lý	6422		41,078,654
12/31/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6423		343,939	343,939
			Xác định kết quả kinh doanh	911	343,939	
			Chi phí đồ dùng văn phòng	6423		343,939
12/31/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6427		22,571,389	22,571,389
			Xác định kết quả kinh doanh	911	22,571,389	
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427		22,571,389
12/31/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6428		12,000,000	12,000,000
			Xác định kết quả kinh doanh	911	12,000,000	
			Chi phí bằng tiền khác	6428		12,000,000
12/31/2025	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 8211		36,109,588	36,109,588
			Xác định kết quả kinh doanh	911	36,109,588	
				8211		36,109,588
12/31/2025	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		14,994,138	14,994,138
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm	4212	14,994,138	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		14,994,138
....	...	...		...		
			Tổng cộng		55,974,437,617	55,974,437,617

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán nội bộ

Giám đốc

Lê Thị Thảo

Lê Thị Thảo

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic được tổ chức theo mô hình tập trung, có sự phân công rõ ràng chặt chẽ, được chỉ đạo từ trên xuống dưới. Việc tổ chức bộ máy theo mô hình này không chỉ tiết kiệm được nguồn nhân lực mà còn là yếu tố then chốt giúp quy trình kế toán doanh thu và chi phí vận hành một cách chính xác, minh bạch nhằm tối ưu hóa kết quả kinh doanh.

❖ Về công tác quản lý

- Công tác quản lý của Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic được xây dựng vững chắc nhờ vào cơ chế kiểm soát chặt chẽ từ ban lãnh đạo. Điều này giúp đảm bảo tính tuân thủ pháp luật của công ty, tuy nhiên cần phải khắc phục một số nhược điểm để hệ thống ngày càng hoàn thiện hơn.

❖ Về tổ chức phần mềm kế toán

- Công ty đã sử dụng phần mềm kế toán Smart Pro giúp tự động hóa quá trình ghi sổ từ Sổ Nhật ký chung đến Sổ Cái và các Sổ Chi Tiết. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ doanh thu bán hàng đến các khoản mục chi phí giá vốn, đều được phần mềm xử lý. Điều này giúp giảm được các sai sót trong quá trình tính toán, đảm bảo đúng số liệu giữa các sổ nhằm phục vụ cho báo cáo kết quả kinh doanh cuối kỳ.

- Việc kết hợp phần mềm kế toán với hệ thống hóa đơn điện tử VIN-HOADON là một điểm cộng lớn. Sự đồng bộ này không chỉ giúp giảm bớt áp lực giấy tờ mà còn đảm bảo dữ liệu đầu ra hoàn toàn khớp với tờ khai thuế, giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý và sai sót trong quá trình quyết toán thuế.

❖ Về hệ thống chứng từ và sổ sách

- Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic đã xây dựng quy trình quản lý chứng từ đầu vào và đầu ra hết sức nghiêm ngặt. Các loại chứng từ như hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, sổ phụ ngân hàng đều được lập đầy đủ và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

- Hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty được thiết lập chặt chẽ. Dữ liệu từ các chứng từ được nhập liệu vào phần mềm Smart Pro và tự động chuyển đổi theo trình tự: Chứng từ gốc -> Sổ Nhật ký chung -> Sổ Cái tài khoản. Quy trình này giúp giảm tải

đáng kể công việc thủ công, hạn chế lỗi ghi chép, và đảm bảo tính thống nhất giữa các sổ.

❖ Về hệ thống tài khoản

- Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán dựa trên Thông tư 200/2014/TT-BTC giúp đảm bảo tính thống nhất và dễ dàng trong việc lập báo cáo tài chính cũng như thực hiện nghĩa vụ thuế. Bên cạnh mở các tài khoản cấp 1, Công ty còn mở thêm một số tài khoản chi tiết cấp 2, điều này giúp việc theo dõi từng tài khoản chi tiết được chặt chẽ hơn, giúp công ty kiểm soát và phân tích được lợi nhuận của từng đơn hàng.

3.1.2. Nhược điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Mặc dù việc tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung sẽ tiết kiệm được nguồn nhân lực nhưng sẽ tạo ra khoảng cách về thông tin. Kế toán nội bộ sẽ tập trung vào các nghiệp vụ phát sinh hằng ngày, còn kế toán dịch vụ tập trung vào báo cáo tài chính cuối kỳ. Điều này dẫn đến sự phân tích các chỉ số tài chính chưa được chặt chẽ ngay khi phát sinh nghiệp vụ.

❖ Về hệ thống chứng từ

- Trong công tác quản lý hóa đơn tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic, việc đánh số hóa đơn GTGT theo thứ tự tăng dần trong hệ thống hóa đơn VIN-HOADON là yêu cầu bắt buộc tuy nhiên khi cần tra cứu thì kế toán sẽ khó để nhận diện được hóa đơn đang cần nếu chỉ nhìn vào số hóa đơn. Điều này sẽ làm chậm quá trình đối chiếu dữ liệu của kế toán khi có sai sót xảy ra.

- Việc đánh số hóa đơn GTGT theo thứ tự tăng dần cũng sẽ gây khó khăn đối với các hóa đơn cũ bị sai sót và cần xuất hóa đơn thay thế (ví dụ: hóa đơn GTGT số 00000348 bị sai sót nên kế toán đã xuất hóa đơn GTGT 00000360 thay thế cho hóa đơn 00000348). Điều này làm kế toán dễ bị nhầm lẫn giữa hóa đơn thực tế và hóa đơn điều chỉnh, dẫn đến sai lệch số liệu trên báo cáo.

❖ Về chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng

- Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic chưa có các chính sách linh hoạt như: giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán sớm. Điều này có thể làm giảm đi lượng khách hàng tiềm năng, làm giảm lợi nhuận của công ty.

- Đối với một doanh nghiệp nông sản hữu cơ organic như Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic, chính sách chăm sóc khách hàng và một yếu tố rất quan trọng giúp xây dựng niềm tin của khách hàng đối với công ty, giúp khách hàng an tâm và tin tưởng khi mua sắm các sản phẩm hữu cơ tại công ty.

❖ Về sổ sách kế toán

- Hệ thống sổ sách kế toán (Sổ Nhật Ký Chung, Sổ Cái, Sổ Chi Tiết) tại công ty được thiết lập trên phần mềm Smart Pro giúp tự động hóa quy trình nhưng vẫn tồn tại một số nhược điểm về cách ghi diễn giải nghiệp vụ trên các sổ. Nội dung diễn giải các nghiệp vụ trên sổ còn rất sơ sài, thay vì ghi diễn giải chi tiết của hóa đơn như “Hóa đơn bán ra số 00000348 ngày 10/11/2025” kế toán thường chỉ ghi tên của một hàng hóa bán ra trong hóa đơn đó. Việc ghi chép thiếu chi tiết làm cho kế toán dễ bị nhầm lẫn giữa các nghiệp vụ, khi bị sai sót và cần đối chiếu sổ sách, kế toán buộc phải vào chứng từ gốc để đối chiếu thay vì nhìn vào diễn giải trên sổ.

❖ Về hệ thống tài khoản

- Trong quá trình hạch toán chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic sử dụng tài khoản 6422 để ghi nhận chi phí này. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, tài khoản 642 đã được chi tiết hóa thành các tài khoản nhỏ hơn để phục vụ quản trị, trong đó tài khoản 6421 (Chi phí nhân viên quản lý) là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí liên quan đến tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp. Việc công ty hạch toán vào tài khoản 6422 (chi phí vật liệu quản lý) thay vì 6421 là không đúng với tính chất của chi phí và trái với hệ thống tài khoản quy định tại Thông tư 200.

❖ Về công tác kiểm soát đối với nghĩa vụ thuế

- Theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế TNDN, các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không vượt quá 3 tỷ đồng sẽ được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 15%. Đây là một chính sách hỗ trợ thiết thực nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ giảm bớt áp lực tài chính trong giai đoạn đầu phát triển. Tuy nhiên, tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic, tổng doanh thu năm trước liền kề của công ty là 2 tỷ đồng – thuộc ngưỡng đáp ứng đầy đủ điều kiện hưởng mức thuế suất 15%. Mặc dù vậy, trong kỳ tính thuế năm nay với mức doanh thu đạt 8 tỷ đồng, bộ phận kế toán của công ty lại đang thực hiện trích lập và nộp thuế TNDN theo mức thuế suất 17%.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic

3.2.1. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Thực phẩm Thịnh Hưng Organic đã có nhiều cố gắng trong việc cải tiến

nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại những hạn chế cần được cải thiện hơn. Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác kế toán ở công ty, em xin đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Hoàn thiện về hệ thống chứng từ và quản lý hóa đơn: Đối với các hóa đơn thay thế, kế toán cần lập một file excel ngoài phần mềm để theo dõi các hóa đơn thay thế. Trong file này sẽ bao gồm các cột như: Số hóa đơn cũ, số hóa đơn mới, lý do điều chỉnh, ngày ký, người thực hiện,... Điều này giúp kế toán nắm được hóa đơn nào đang bị thay thế, giảm thiểu sai sót và tối ưu hóa thời gian tra cứu.

- Tăng cường kiểm tra chéo giữa phần mềm và VIN-HOADON: Cuối mỗi tháng, kế toán cần xuất bảng kê mua vào, bán ra từ phần mềm và so sánh với danh sách hóa đơn trên VIN-HOADON. Nếu có sự chênh lệch giữa phần mềm và VIN-HOADON thì kế toán sẽ biết được chênh lệch ở tháng nào và lập bút toán điều chỉnh. Điều này giúp đảm bảo dữ liệu thuế luôn khớp, giảm thiểu rủi ro sai sót trong quá trình quyết toán thuế cuối năm.

- Công ty cần thiết lập một quy trình kiểm tra đối chiếu trước khi lập tờ khai quyết toán thuế TNDN. Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ hoặc cử nhân viên tham gia các khóa tập huấn về thuế do Cục thuế hoặc các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp tổ chức. Công ty cần tiến hành rà soát toàn bộ tờ khai thuế đã nộp. Đối với phần thuế đã nộp thừa do áp dụng mức 17% thay vì 15%, kế toán cần lập **“Tờ khai bổ sung”** để điều chỉnh số thuế phải nộp.

- Hoàn thiện về sổ sách kế toán: Công ty đang sử dụng phần mềm Smart Pro để tự động cập nhật dữ liệu từ chứng từ gốc sang Sổ Nhật ký Chung, Sổ Cái, Sổ Chi Tiết các tài khoản. Tuy nhiên, có một hạn chế là phần mềm thường lấy nội dung diễn giải theo từng mặt hàng lẻ trên hóa đơn. Do đó kế toán cần phải thực hiện rà soát và điều chỉnh lại phần diễn giải cho chi tiết, phù hợp với thực tế nghiệp vụ phát sinh.

➤ Dưới đây là Sổ Cái TK 511 đã được sửa.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI**Mã hiệu :511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...		...	...	...
06/11/25	HDBR.330	06/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000330 ngày 06/11/25	131		33,578,900
07/11/25	HDBR.334	07/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000334 ngày 07/11/25	131		22,450,000
08/11/25	HDBR.336	08/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000336 ngày 08/11/25	131		22,646,600
09/11/25	HDBR.338	09/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000338 ngày 09/11/25	131		47,053,000
10/11/25	HDBR.349	10/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000349 ngày 10/11/25	131		4,667,600
10/11/25	HDBR.348	10/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000348 ngày 10/11/25	131		658,500
14/11/25	HDBR.350	14/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000350 ngày 14/11/25	131		11,400,000
14/11/25	HDBR.351	14/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000351 ngày 14/11/25	1111		2,721,000
14/11/25	HDBR.352	14/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000352 ngày 14/11/25	131		18,078,400
15/11/25	HDBR.353	15/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000353 ngày 15/11/25	131		27,584,000
17/11/25	HDBR.354	17/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000354 ngày 17/11/25	131		16,390,500
18/11/25	HDBR.364	18/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000364 ngày 18/11/25	131		707,000
19/11/25	HDBR.380	19/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000380 ngày 19/11/25	131		200,000
20/11/25	HDBR.381	20/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000381 ngày 20/11/25	131		23,352,600
21/11/25	HDBR.382	21/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000382 ngày 21/11/25	131		81,578,200
28/11/25	HDBR.389	28/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000389 ngày 28/11/25	131		46,032,700
29/11/25	HDBR.390	29/11/25	Hóa đơn bán ra số 00000390 ngày 29/11/25	131		1,063,500
30/11/25	KC.01	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	876,464,340	
...	...	...		...	...	...
			CỘNG PHÁT SINH		8,286,231,409	8,286,231,409
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		8,286,231,409	8,286,231,409

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán nội bộ

Giám đốc

Lê Thị Thảo**Lê Thị Thảo****VƯƠNG ĐÌNH THỊNH**

➤ Dưới đây là Sổ Cái Tài khoản 515 đã được sửa.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THỊNH HƯNG ORGANIC

63 Lê Nỗ, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0402178730

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			
...	...	...	...	...	...	...
19/07/25	CTNH.76	19/07/25	Tra lại tiền gửi tháng 7/2025, so TK: 9555678678-20250719	1121		1,047
31/07/25	KC.02	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1,047	
16/08/25	CTNH.94	16/08/25	Tra lại tiền gửi tháng 8/2025, so TK: 9555678678-20250816	1121		1,289
31/08/25	KC.02	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1,289	
20/09/25	CTNH.108	20/09/25	Tra lại tiền gửi tháng 9/2025, so TK: 9555678678-20250920	1121		1,732
30/09/25	KC.02	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	1,732	
18/10/25	CTNH.123	18/10/25	Tra lại tiền gửi tháng 10/2025, so TK: 9555678678-20251018	1121		2,740
31/10/25	KC.02	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	2,740	
16/11/25	9555678678-20	16/11/25	Tra lại tiền gửi tháng 11/2025, so TK: 9555678678-20251115	1121		12,287
30/11/25	KC.02	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	12,287	
21/12/25	9555678678-20	21/12/25	Tra lại tiền gửi tháng 12/2025, so TK: 9555678678-20251220	1121		8,799
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	8,799	
			CỘNG PHÁT SINH		35,783	35,783
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		35,783	35,783

Người lập

Lê Thị Thảo

Kế toán nội bộ

Lê Thị Thảo

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

VƯƠNG ĐÌNH THỊNH

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic là một yêu cầu cần thiết trong giai đoạn phát triển hiện nay.

- Đối với công ty, nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà quản lý theo dõi được tình hình tiêu thụ và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, giúp tối ưu hóa lợi nhuận trên từng mặt hàng nông sản.

- Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra số liệu chính xác, ngăn chặn các sai sót khi lập các báo cáo tài chính và tạo niềm tin cho các nhà đầu tư.

KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic, em đã có cơ hội tiếp cận và làm việc trực tiếp với phần mềm Smart Pro, được vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã được học tại Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng. Đặc biệt, nhờ sự hướng dẫn và giúp đỡ tận tình của các anh chị trong công ty, đã tạo điều kiện thuận lợi để em được tham gia vào các công việc thực tế, học cách nhập liệu kế toán, xuất hóa đơn và lập các báo cáo tài chính. Qua đó, em nhận thấy rõ hơn vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong bài khóa luận tốt nghiệp đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic”. Trong bài khóa luận này, em vận dụng những kiến thức đã học trên trường để trình bày những vấn đề liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic. Tuy nhiên, do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những sai sót trong quá trình thực hiện và trình bày nội dung. Vì vậy em rất mong nhận sự thông cảm và góp ý chân thành từ quý thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của giảng viên hướng dẫn Th.S Nguyễn Thị Hồng Hạnh, các thầy cô trong khoa Kinh tế Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng cùng các anh chị trong Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic đã giúp đỡ em hoàn thiện bài khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
2. Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
3. Tài liệu, sổ liệu và sổ sách liên quan đến phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực Phẩm Thịnh Hưng Organic.
4. Các bài khóa luận tốt nghiệp trên thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.
5. Trang web Kế toán Thiên Ưng